

Số: 09 /BC-UBND

Đắk Lắk, ngày 09 tháng 01 năm 2020

BÁO CÁO

Tổng kết thực tiễn nghiên cứu lý luận đánh giá chỉ số năng lực
cạnh tranh của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2010 - 2018

MTKD

16/1

[Handwritten signature]

PHẦN A. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (viết tắt là Chỉ số PCI) là chỉ số đo lường và đánh giá chất lượng điều hành kinh tế, mức độ thuận lợi, thân thiện của môi trường kinh doanh và nỗ lực cải cách hành chính của chính quyền các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tại Việt Nam. Được xây dựng từ dữ liệu điều tra doanh nghiệp thường niên có quy mô lớn, Chỉ số PCI là “tập hợp tiếng nói” của cộng đồng doanh nghiệp dân doanh về môi trường kinh doanh tại các tỉnh, thành phố ở Việt Nam. Chỉ số này được Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) công bố thí điểm lần đầu tiên vào năm 2005 cho 42 tỉnh, thành; từ năm 2006 đến nay, tất cả các tỉnh thành Việt Nam đều được đưa vào xếp hạng.

Đối với tỉnh Đắk Lắk, PCI được thực hiện từ năm 2006; giai đoạn 2006 - 2009, PCI của tỉnh có tăng nhẹ về mặt điểm số, thường xuyên ở vị trí dẫn đầu khu vực Tây Nguyên, tuy nhiên thứ hạng chưa ổn định và còn ở vị trí tương đối thấp so với bảng xếp hạng chung của cả nước. Trong giai đoạn này, việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh mặc dù đã được lãnh đạo tỉnh quan tâm và triển khai thực hiện bằng nhiều giải pháp, tuy nhiên khái niệm PCI tại Đắk Lắk nói riêng và cả nước nhìn chung còn khá mới, việc tổ chức thực hiện còn chưa sâu, các kế hoạch, mục tiêu, giải pháp theo đó còn thiếu tính cụ thể, chưa bám sát vào các tiêu chí đánh giá của PCI.

Từ năm 2010 trở đi, nhận thức được tầm quan trọng của Chỉ số PCI trong quá trình cải cách điều hành kinh tế, tạo dựng môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp, đặc biệt kể từ năm 2014, Thủ tướng Chính phủ đã đưa Chỉ số PCI là một mục tiêu nhằm cải thiện khả năng cạnh tranh quốc gia trong Nghị quyết 19, theo đó yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh và đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, UBND tỉnh đã chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp quyết liệt nhằm cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh. Hàng năm, trên cơ sở kết quả PCI do VCCI công bố, UBND tỉnh đều tổ chức phân tích, đánh giá kết quả đạt được, nguyên nhân làm giảm các chỉ số thành phần và đề ra nhiệm vụ, giải pháp cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh năm tiếp theo, xây dựng các Kế hoạch triển khai cụ thể cho từng năm và cả giai đoạn, tập trung khắc phục những hạn chế, tồn tại và phát huy các mặt tích cực nhằm từng bước cải thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

Qua 10 năm triển khai thực hiện, mặc dù đã có những nỗ lực đáng kể trong việc cải thiện Chỉ số PCI thể hiện ở việc điểm số PCI tăng qua các năm, được xếp vào nhóm các tỉnh có chất lượng điều hành kinh tế khá; tuy nhiên, kết quả thu được nhìn chung còn chưa đạt được kỳ vọng và mục tiêu đề ra⁽¹⁾, năng lực cạnh tranh của tỉnh được đánh giá chưa có nhiều bước phá, thứ hạng tăng giảm không ổn định, đang có xu hướng mất dần vị trí dẫn đầu về năng lực cạnh tranh trong khu vực Tây Nguyên. Do đó, việc tổ chức đánh giá quá trình phấn đấu nâng cao Chỉ số PCI của tỉnh Đắk Lắk từ năm 2010 đến nay là cần thiết cả về lý luận và thực tiễn; làm cơ sở để xác định những mặt tích cực cần tiếp tục phát huy, những điểm còn tồn tại, hạn chế, phân tích nguyên nhân để đề ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp đột phá nhằm cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh trong thời gian tới về cả điểm số và thứ hạng.

PHẦN B. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH

I. TÌNH HÌNH BAN HÀNH CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH, VĂN BẢN CHỈ ĐẠO CỦA TỈNH NHẪM CẢI THIỆN CHỈ SỐ PCI, HỖ TRỢ VÀ PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, ĐẶC BIỆT LÀ DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

Từ năm 2010, trên cơ sở kết quả Chỉ số PCI của tỉnh giai đoạn 2006-2009, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch hành động nâng cao Chỉ số PCI giai đoạn 2010 – 2015 (Quyết định số 3087/QĐ-UBND ngày 02/12/2010 của UBND tỉnh), chỉ đạo các Sở, ngành, địa phương thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp nhằm phấn đấu đến năm 2015 đưa chỉ số PCI của tỉnh đạt thứ hạng 20 toàn quốc.

Hàng năm, trên cơ sở chỉ số PCI do VCCI công bố, UBND tỉnh đều tổ chức đánh giá, phân tích kết quả đạt được, nguyên nhân làm giảm các chỉ số thành phần và đề ra nhiệm vụ, giải pháp cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh năm tiếp theo, trong đó tập trung khắc phục những hạn chế, yếu kém và phát huy các mặt tích cực tại Báo cáo PCI, cụ thể:

- Công văn số 4985/UBND-TH ngày 30/9/2011 về việc cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2011.

- Kế hoạch số 3155/KH-UBND ngày 11/6/2012 về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2012.

- Kế hoạch số 3990/KH-UBND ngày 18/6/2013 về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2013.

- Kế hoạch số 6154/KH-UBND ngày 27/8/2014 về nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2014.

- Báo cáo số 175/BC-UBND ngày 10/8/2015 về tình hình thực hiện kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh năm 2014 và triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm năm 2015.

⁽¹⁾ Theo Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh, mục tiêu đến năm 2020, tỉnh nằm trong top 10 tỉnh có chất lượng điều hành kinh tế khá trong toàn quốc theo Bảng công bố PCI.

- Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 về ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-2016 và Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ.

- Quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 28/02/2017 ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 19-2017/NQ-CP.

- Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 23/6/2017 về tăng cường cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2017.

- Chỉ thị số 13/CT-UBND ngày 12/6/2018 về tăng cường cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2018.

- Kế hoạch số 4819/KH-UBND ngày 14/6/2018 về kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 19-2018/NQ-CP.

II. TÌNH HÌNH BAN HÀNH MỘT SỐ CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH CỦA TỈNH NHẪM TẠO LẬP MÔI TRƯỜNG ĐẦU TƯ, KINH DOANH THUẬN LỢI, THU HÚT ĐẦU TƯ VÀ HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN

Trong thời gian qua, tỉnh Đắk Lắk đã cơ bản triển khai thực hiện đầy đủ các chính sách của Nhà nước liên quan đến hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Trước tình hình khó khăn của doanh nghiệp trong giai đoạn vừa qua, tỉnh đã triển khai nhiều giải pháp và chủ động ban hành một số chính sách nhằm hỗ trợ doanh nghiệp vượt qua khó khăn, ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Ban hành Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND ngày 22/12/2011 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2012-2015. Nghị quyết này quy định chính sách khuyến khích, hỗ trợ về đào tạo lao động, lãi vay tín dụng, xây dựng đường giao thông, đường điện hạ thế cho các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực ưu tiên kêu gọi đầu tư trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 20/2012/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND tỉnh hướng dẫn việc thực hiện các thủ tục để được hưởng chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư theo Nghị quyết số 27/2011/NQ-HĐND. Trong giai đoạn 2016 – 2020, để đảm bảo nguồn lực cho đầu tư phát triển và thực hiện các chính sách trọng tâm khác, HĐND tỉnh đã thống nhất không tiếp tục xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh cho giai đoạn này.

- Ban hành Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND ngày 02/8/2012 của UBND tỉnh ban hành Quy định về chính sách ưu đãi sử dụng đất đối với các dự án khuyến khích xã hội hóa thuộc lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường trên địa bàn tỉnh. Tỉnh đã quy định các mức miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án xã hội hóa thực hiện trên từng địa bàn tại tỉnh. Ngày 06/01/2016, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 01/2016/QĐ-UBND thay thế Quyết định số 28/2012/QĐ-UBND, trong đó tăng thêm mức ưu đãi sử dụng đất đối với các dự án xã hội hóa thuộc các lĩnh vực trên.

Ngoài các chính sách ưu đãi trực tiếp, UBND tỉnh còn ban hành một số chính sách mềm như quy định về trình tự, thủ tục và cơ chế phối hợp giải quyết

thu tục nãnh nhĩn ve đãu tư, quy cne quan ily nna nước doi voi woann ngniệp va một số lĩnh vực liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp để tạo điều kiện cho doanh nghiệp triển khai đầu tư và ổn định sản xuất kinh doanh trên địa bàn, cụ thể:

- Đắk Lắk là một trong nhữnđ tĩnh đầu tiên của cả nước ban hành quy chế quy đĩnh một số nội dung quản lý nhà nước của các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc quản lý doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn tĩnh (Quyết đĩnh số 06/2012/QĐ-UBND ngày 15/3/2012 của UBND tĩnh về quy chế quản lý doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn tĩnh Đắk Lắk). Một trong nhữnđ mục tiêu của quy chế này nhằm đắm bảo quyền tự do kinh doanh của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và hộ kinh doanh thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy đĩnh của pháp luật. Đắc biệt, quy chế này đắ quy đĩnh nguyên tắc kiểm tra đối với doanh nghiệp nhằm mục tiêu tránh việc kiểm tra chồng chéo, nhiều lần đối với một đon vị trong một năm; đối tượng kiểm tra phải đượ mở rộng theo thứ tự luân phiên, không tập trung vào một số đối tượng cố đĩnh.

Ngày 08/4/2018, trên cơ sở Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28/5/2015 của liên Bộ: Kế hoạch và Đầu tư - Tài chính - Nội vụ, UBND tĩnh đắ có Quyết đĩnh số 08/2018/QĐ-UBND ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong việc quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đắng ký thành lập trên địa bàn tĩnh Đắk Lắk thay thế Quyết đĩnh số 06/2012/QĐ-UBND ngày 15/3/2012 của UBND tĩnh.

- Ban hành Quyết đĩnh số 21/2012/QĐ-UBND ngày 26/6/2012 của UBND tĩnh ban hành Quy chế quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài ngoài các Khu công nghiệp trên địa bàn tĩnh (hết hiệu lực ngày 04/01/2016). Quy chế này quy đĩnh một số nội dung phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài ngoài các khu công nghiệp tại tĩnh, bao gồm việc thực hiện các thủ tục pháp lý, việc chấp hành theo các quy đĩnh của pháp luật trong hoạt động đầu tư, tránh chồng chéo trong việc thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài.

- Ban hành Quyết đĩnh số 48/2012/QĐ-UBND ngày 04/12/2012 của UBND tĩnh quy đĩnh trình tự, thủ tục và cơ chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư ngoài khu công nghiệp trên địa bàn tĩnh; sau đó thay thế bằng Quyết đĩnh số 32/2016/QĐ-UBND ngày 07/10/2016 của UBND tĩnh quy đĩnh về trình tự và cơ chế phối hợp giải quyết thủ tục đầu tư dự án có sử dụng đấ trên địa bàn tĩnh. Quy đĩnh này hướng dẫn các bước để triển khai thực hiện thủ tục pháp lý đầu đủ và nhanh chóng đối với các dự án đầu tư, quy đĩnh rõ ràng việc thực hiện đầu giá quyền sử dụng đấ, đầu thầu thực hiện dự án có sử dụng đấ, quy đĩnh rõ ràng thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của UBND tĩnh.

- Ban hành Quyết đĩnh số 24/2012/QĐ-UBND ngày 25/5/2012 của UBND tĩnh về quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tĩnh. Quy chế này quy đĩnh về trách nhiệm, quan hệ phối hợp hoạt động

giữa các Sở, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố trong việc quy hoạch, bổ sung quy hoạch, thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp; đầu tư sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong cụm công nghiệp và quản lý nhà nước đối với cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Ngoài các chính sách trên, tỉnh còn ban hành một số chính sách hỗ trợ trong các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp, cụ thể:

- Lĩnh vực khoa học và công nghệ: Quyết định số 176/QĐ-UBND ngày 17/01/2014 của UBND tỉnh phê duyệt Dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014-2020”; Quyết định số 09/2017/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định hỗ trợ, cho vay ưu đãi và hỗ trợ lãi vay vốn của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ tỉnh Đắk Lắk.

- Lĩnh vực đào tạo nghề cho lao động: Ban hành Nghị quyết số 81/2012/NQ-HĐND ngày 21/12/2012 của HĐND tỉnh về Chương trình việc làm và Đào tạo nghề tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2012-2015; Quyết định số 39/2011/QĐ-UBND ngày 07/12/2011 của UBND tỉnh ban hành quy định về mức hỗ trợ chi phí đào tạo trình độ sơ cấp nghề miễn phí cho lao động nông thôn trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk; Quyết định số 3276/QĐ-UBND ngày 22/12/2011 phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020.

III. MỘT SỐ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

1. Công tác cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh

Từ năm 2014, hàng năm Chính phủ đều ban hành Nghị quyết về triển khai một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh đã ban hành các Chương trình, Kế hoạch hành động đề ra những giải pháp, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố để triển khai thực hiện, góp phần đạt được các mục tiêu Chính phủ đã đề ra; đặc biệt năm 2016, Chính phủ đã nhấn mạnh nhiệm vụ coi việc hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp là một trong những nhiệm vụ trọng tâm thông qua việc ban hành Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020. Triển khai chủ trương chung, UBND tỉnh đã nghiên cứu và lồng ghép với Nghị quyết số 19-2016/NQ-CP ngày 28/4/2016 của Chính phủ để ban hành 01 Chương trình hành động chung của tỉnh (Quyết định số 2544/QĐ-UBND ngày 30/8/2016). Đối với việc cải thiện môi trường kinh doanh, hàng năm sau khi công bố kết quả PCI, tỉnh đã tổ chức hội nghị để phân tích tình hình và đề ra các giải pháp cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh trong những năm tiếp theo.

Những năm qua, công tác cải cách thủ tục hành chính được xem là nhiệm vụ trọng tâm, là khâu đột phá trong cải cách hành chính nhằm công khai, minh bạch tạo thuận tiện cho người dân, doanh nghiệp khi tiếp cận với dịch vụ hành chính công. Với hai nhiệm vụ chính là: Đơn giản hoá thủ tục hành chính và thực

niệm niệm qua cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính nhà nước.

- Thực hiện cải cách thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước theo quy định của Bộ, ngành Trung ương: Triển khai Nghị quyết số 30c/NQ-CP ngày 08/11/2011 của Chính phủ ban hành chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011-2020, hàng năm UBND tỉnh đều ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính, kế hoạch rà soát thủ tục hành chính trên các lĩnh vực quản lý nhà nước để các cơ quan, đơn vị có cơ sở triển khai nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh. Qua đó, lĩnh vực cải cách thủ tục hành chính của tỉnh Đắk Lắk đã đạt được nhiều kết quả tích cực, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong việc tiếp cận và thực hiện các thủ tục hành chính.

Tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận và xử lý các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức và doanh nghiệp về các quy định hành chính trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành quy chế tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk. Đến nay, 100% cơ quan, đơn vị đã mở hộp thư góp ý, công khai đường dây nóng trên các trang thông tin điện tử hoặc niêm yết tại Bộ phận một cửa để cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp nắm bắt và phản ánh, kiến nghị kịp thời.

Trong năm 2017, tỉnh đã tổ chức công bố, khai trương Hệ thống Dịch vụ hành chính công trực tuyến tích hợp Một cửa điện tử liên thông tỉnh Đắk Lắk (Hệ thống iGate) và triển khai tại 19 Sở, ban, ngành; 15 huyện, thị xã, thành phố và 184/184 xã, phường, thị trấn. Đến tháng 6/2019, Hệ thống dịch iGate đã cung cấp 1.762 dịch vụ công trực tuyến, trong đó có 683 dịch vụ công trực tuyến mức 3 (đạt tỷ lệ 38%) và 180 dịch vụ công trực tuyến mức 4 (đạt tỷ lệ 10,2%).

- Tình hình và kết quả thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông: Tiếp tục duy trì thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh. Đến nay, đã có 19/19 Sở, ban, ngành; 15/15 huyện, thị xã, thành phố và 184/184 xã, phường, thị trấn đã triển khai áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông gắn với đơn giản hóa thủ tục hành chính, đạt 100%. Từ khi áp dụng cơ chế 01 cửa, một cửa liên thông, các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh đã giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp một cách nhanh chóng, trách nhiệm, hiệu quả hơn trước rất nhiều, các giao dịch được thực hiện tại Bộ phận một cửa được thực hiện chuyên nghiệp và nhanh chóng hơn.

100% thủ tục hành chính được cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính, đăng tải công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị. Việc thực hiện cơ chế một cửa liên thông đã áp dụng tại một số lĩnh vực, như: Đăng ký doanh nghiệp; đầu tư, đất đai, lao động, thương binh và xã hội, tài nguyên và môi trường. Thực hiện cơ chế một cửa liên thông từ cấp xã đến cấp huyện trên lĩnh vực đất đai, lao động, thương binh - xã hội tại 100% đơn vị cấp xã, huyện.

- Công tác rà soát, đơn giản hóa về quy trình nhằm rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp đã được quan tâm thực hiện; cụ thể:

+ Từ năm 2012, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk đã chủ động rà soát, đơn giản hóa quy trình và thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết một số thủ tục hành chính về đăng ký doanh nghiệp. Đến nay, Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk đã thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết đối với 26 thủ tục đăng ký doanh nghiệp từ 03 ngày làm việc theo quy định của Luật Doanh nghiệp 2014 (theo Luật Doanh nghiệp 2005 là 05 ngày làm việc) xuống còn 01 ngày làm việc hoặc giải quyết trong ngày đối với các doanh nghiệp ở xa.

+ Từ năm 2016, triển khai Nghị quyết số 35/NQ-CP của Chính phủ và Quyết định số 2544/QĐ-UBND của UBND tỉnh, một số Sở, ngành đã tích cực thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến người dân, doanh nghiệp như Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan tỉnh, từ đó góp phần tiết kiệm thời gian, chi phí phát sinh cho người dân, doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục hành chính.

2. Hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp

Cùng với việc ban hành và triển khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, tỉnh cũng triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ thiết thực, đồng hành cùng doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh như hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, kết nối giao thương, hỗ trợ pháp lý, cung cấp các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản trị, điều hành... một số kết quả cụ thể như:

- Hoạt động kết nối tín dụng: Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh đã triển khai các hoạt động kết nối các tổ chức tín dụng hỗ trợ các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thông qua chương trình kết nối “Ngân hàng – Doanh nghiệp”; phổ biến những cơ chế, chính sách ưu đãi đầu tư mới, các văn bản quy phạm pháp luật liên quan về thuế, đầu tư, đặc biệt là các chính sách tín dụng và được các Ngân hàng cam kết tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp, hợp tác xã có thể tiếp cận được nguồn vốn của Ngân hàng. Thường xuyên chỉ đạo, triển khai và giám sát chặt chẽ các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện nghiêm các quy định, các cơ chế, chính sách về tiền tệ, tín dụng và chỉ đạo các Ngân hàng thương mại tiếp tục tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho doanh nghiệp, hộ sản xuất vay vốn; ưu tiên dành nguồn vốn cho vay đối với các doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và các doanh nghiệp khởi nghiệp.

- Hoạt động kết nối giao thương: Các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối giao thương được đẩy mạnh nhằm quảng bá sản phẩm của địa phương, giới thiệu các sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn đến các thị trường trong và ngoài nước, góp phần mở rộng tiêu thụ nội địa và thị trường xuất khẩu. Thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia và xúc tiến thương mại địa phương hàng năm, Sở Công Thương đã chủ động phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức đoàn tham gia các Hội chợ thương mại trong nước và quốc tế. Nhằm đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư, kết nối giao

unương trong và ngoài nước, no trợ doanh nghiệp nang cao chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu hàng hóa, tỉnh đã triển khai nhiều Chương trình, Đề án như: Đề án nâng cao năng lực cạnh tranh các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đối với tỉnh Đắk Lắk; dự án “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp nhỏ và vừa tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2014-2020”; Kế hoạch cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh; Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và khởi sự kinh doanh tỉnh Đắk Lắk đến năm 2020, định hướng đến năm 2025; tổ chức, hỗ trợ cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia các hội chợ - triển lãm mang tính khu vực, phối hợp với các tỉnh thành khác tổ chức cho các doanh nghiệp trong tỉnh gặp gỡ, trao đổi, tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, tạo cầu nối giao thương, đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại, đầu tư giữa các địa phương.

- Hoạt động phổ biến, tuyên truyền và đối thoại doanh nghiệp: Các cơ quan của tỉnh thường xuyên tổ chức các hoạt động phổ biến, tuyên truyền các chính sách mới và hướng dẫn triển khai thực hiện. Hàng năm, theo định kỳ UBND tỉnh tổ chức 02 đợt gặp mặt doanh nghiệp để lãnh đạo UBND tỉnh và các Sở, ngành liên quan đã trực tiếp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Đến năm 2015, UBND tỉnh chủ động thay đổi cách thức tổ chức gặp mặt doanh nghiệp theo hình thức tổ chức “Hội nghị đối thoại doanh nghiệp”, để tăng cường công tác đối thoại giữa doanh nghiệp và chính quyền, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư phản ánh nhiều hơn nữa những khó khăn, vướng mắc gặp phải trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, giúp cho UBND tỉnh cùng các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố nắm bắt được tình hình hoạt động của doanh nghiệp, nhà đầu tư, từ đó tìm ra giải pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp hoạt động hiệu quả hơn. Ngoài ra, hoạt động đối thoại giữa chính quyền với doanh nghiệp được UBND tỉnh đặc biệt quan tâm và thực hiện dưới nhiều hình thức khác như: Ngày thứ Năm doanh nghiệp (vào thứ Năm hàng tuần); Cà phê doanh nhân – doanh nghiệp (sáng thứ Ba hàng tuần); Dân hỏi – Thủ trưởng cơ quan hành chính trả lời (định kỳ 01 lần/tháng).

Hoạt động giải đáp pháp luật này còn được các cơ quan, đơn vị của tỉnh thực hiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, bằng hình thức trả lời trực tiếp tại trụ sở cơ quan, thông qua văn bản, điện thoại, thư điện tử, trang thông tin điện tử, hoạt động kiểm tra, thanh tra cho hàng nghìn lượt doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiểu biết pháp luật của doanh nghiệp, giảm vi phạm pháp luật của phía doanh nghiệp... Bên cạnh đó, các Sở, ngành liên quan còn phối hợp với Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Đắk Lắk xây dựng và thực hiện các chuyên mục: chính sách mới, văn bản mới; kinh tế tập thể, thuế và tìm hiểu pháp luật thuế, khuyến công, tài nguyên và môi trường, pháp luật và đời sống, công đoàn, bảo hiểm xã hội, giải đáp pháp luật... góp phần thông tin các chính sách, văn bản pháp luật đến với doanh nghiệp, nêu gương doanh nghiệp điển hình, trao đổi kinh nghiệm giữa các doanh nghiệp, khuyến cáo doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, thường xuyên rà soát, đơn giản hóa và công

khai mọi thủ tục hành chính trong quá trình giải quyết công việc, nhờ đó các yêu cầu của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước chuyên ngành được giải quyết kịp thời.

- Hoạt động trợ giúp đào tạo nâng cao năng lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa: Hàng năm UBND tỉnh đều ban hành Kế hoạch hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, trong đó nêu cụ thể kế hoạch tổ chức các khóa đào tạo và dự toán kinh phí thực hiện. Tuy nhiên, do Ngân sách địa phương khó khăn, trong khi Ngân sách Trung ương không bố trí, nên hoạt động hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa từ nguồn ngân sách nhà nước các năm trong giai đoạn 2011 - 2015 không thực hiện được theo Kế hoạch đề ra (các năm 2016, 2017, 2018, ngân sách tỉnh chỉ cân đối đáp ứng khoảng 10 - 15% nhu cầu theo kế hoạch). Để khắc phục sự khó khăn trong việc bố trí ngân sách, tỉnh đã tranh thủ sự hỗ trợ của các dự án NGO, ODA đang hoạt động tại tỉnh tổ chức thực hiện được một số khóa tập huấn, đào tạo nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngoài ra, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh cũng đã tranh thủ nguồn kinh phí từ các tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp để tổ chức các khóa tập huấn, hội thảo nhằm bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho hội viên là người quản lý các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Bên cạnh đó, để tiếp sức cho doanh nghiệp hội nhập thành công, tỉnh đã phối hợp với các cơ quan của Trung ương, VCCI và các đơn vị liên quan tổ chức các buổi hội thảo, các lớp đào tạo, tập huấn nhằm cung cấp, phổ biến tới doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh các thông tin và hướng dẫn thực thi cam kết trong khuôn khổ hợp tác kinh tế quốc tế (ASEAN, WTO, APEC, ASEM,...); những vấn đề đặt ra đối với quá trình chuẩn bị nhằm thực thi hiệu quả các cam kết FTA thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CTPPP), Hiệp định thương mại đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên,... Từ đó, hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng lộ trình hội nhập với khu vực và thế giới, nhất là trong vấn đề xây dựng thương hiệu sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, nâng cao trình độ về quản lý sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận lao động: Các hoạt động dịch vụ việc làm được đẩy mạnh thực hiện, góp phần đáp ứng nhu cầu tuyển dụng của các đơn vị, doanh nghiệp và nhu cầu học nghề, tìm kiếm việc làm của người lao động. Trung tâm Dịch vụ việc làm Đắc Lắc thường xuyên tổ chức khảo sát, thu thập thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động tại các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh, từ đó tổ chức thông tin cho người lao động biết và tìm kiếm việc làm theo nhu cầu tuyển lao động của doanh nghiệp.

Mặc dù tỉnh đã có nhiều biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp thông qua các hoạt động như: Đào tạo, phổ biến chính sách chủ trương mới, kết nối thị trường... nhưng tỷ lệ doanh nghiệp tham gia rất ít, nhiều doanh nghiệp trả lời không biết hoặc không được hưởng lợi từ chính sách hỗ trợ của địa phương.

GIAI ĐOẠN 2010-2018

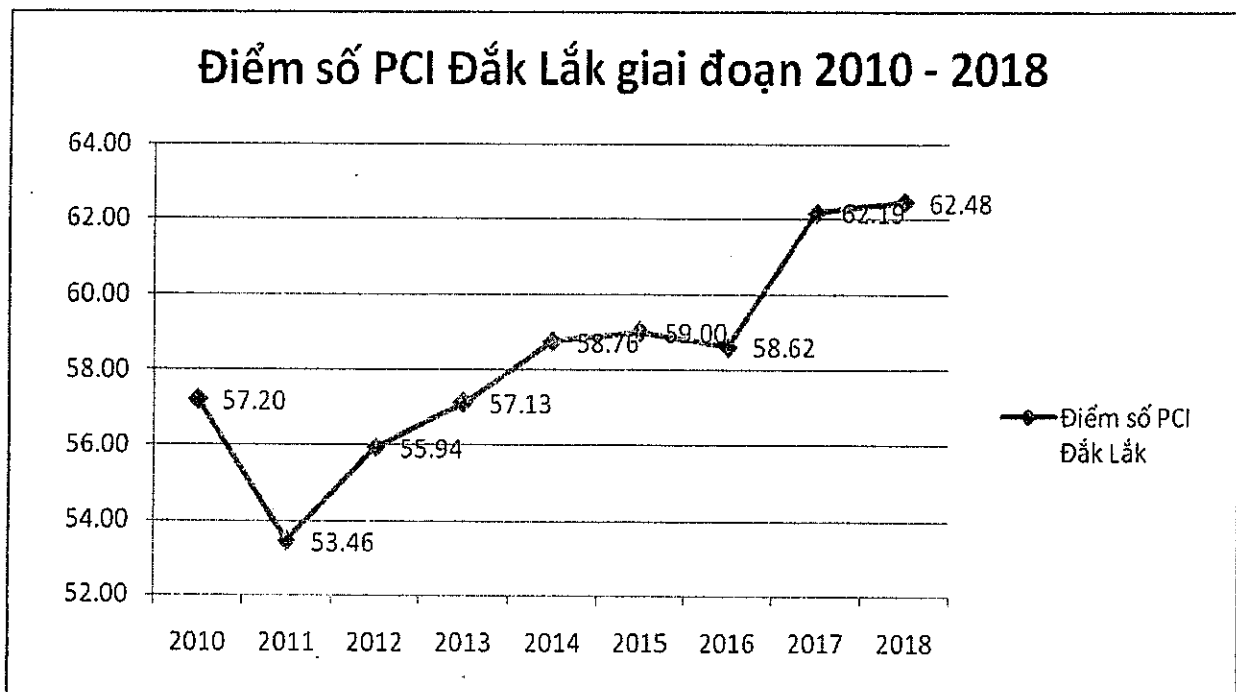
I. Đánh giá Chỉ số PCI giai đoạn 2010-2018

Trong thời gian qua, PCI của tỉnh Đắk Lắk qua các năm có nhiều biến động, nhìn chung không ổn định về điểm số và thứ hạng; đặc biệt trong 5 năm gần đây, năng lực cạnh tranh của tỉnh đang có dấu hiệu đi xuống, mặc dù hàng năm đều có tăng về điểm số nhưng nhìn chung tốc độ chuyển mình của tỉnh còn khá chậm so với các tỉnh thành khác, chưa có nhiều đột phá, dẫn đến thứ hạng PCI của tỉnh năm 2018 giảm sâu so với các tỉnh thành khác trong cả nước, không còn giữ được vị trí dẫn đầu trong khu vực Tây Nguyên.

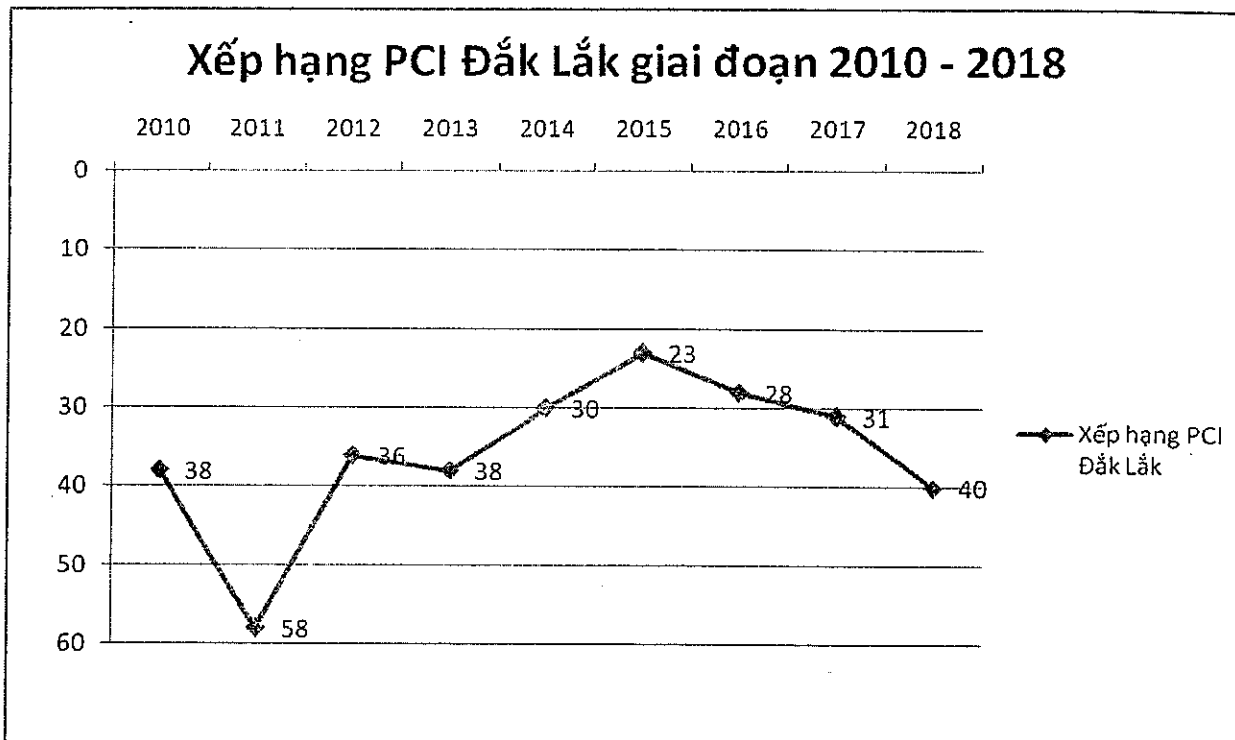
Bảng 1. Điểm số và xếp hạng Chỉ số PCI của tỉnh Đắk Lắk giai đoạn 2010-2018

NĂM	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
PCI	57,20	53,46	55,94	57,13	58,76	59,00	58,62	62,19	62,48
Xếp hạng cả nước	38	58	36	38	30	23	28	31	40
Xếp hạng KV Tây Nguyên	2	2	2	3	2	2	2	2	3
Xếp nhóm	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá	Khá	Trung bình	Khá

Nguồn: Tổng hợp từ VCCI

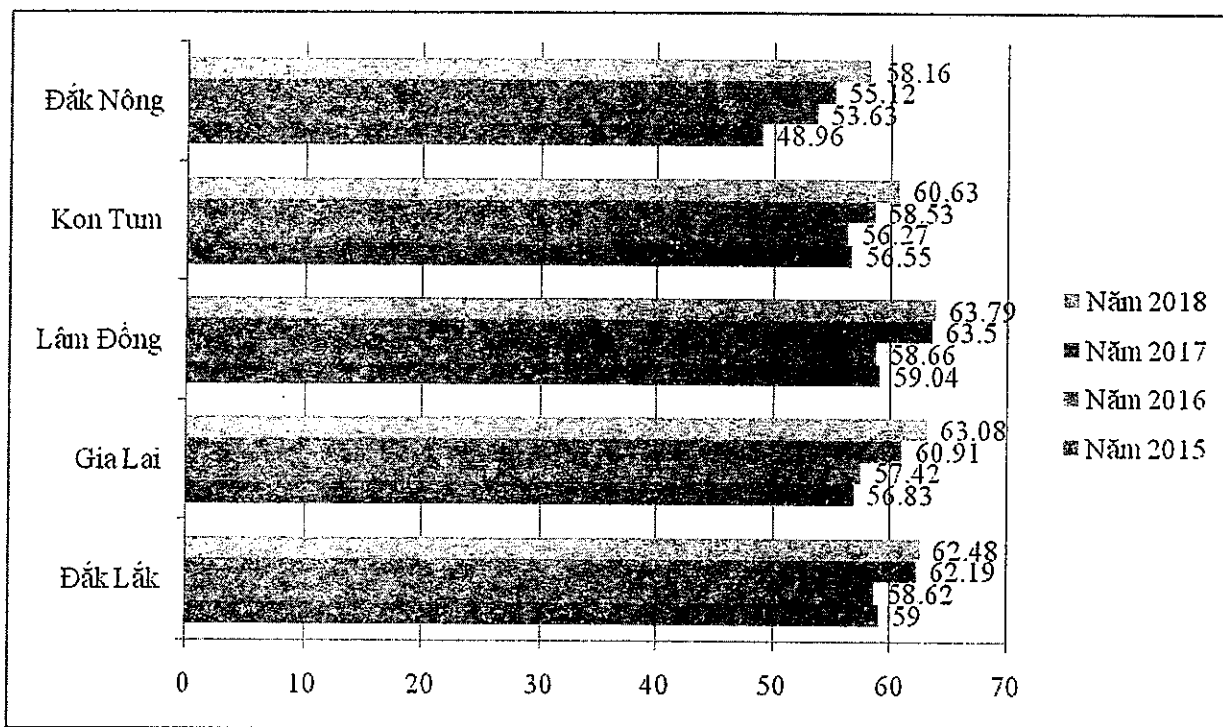


Nguồn: Tổng hợp từ VCCI



Nguồn: Tổng hợp từ VCCI

Hình 1. Điểm số PCI của các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2015-2018



Nguồn: Tổng hợp từ VCCI

Từ năm 2010 đến 2014, PCI của tỉnh tăng giảm không ổn định, năm 2011 xếp vị trí thứ 58/63 tỉnh thành, thấp nhất về cả về điểm số lẫn vị trí hạng trong cả giai đoạn. Từ năm 2015 đến 2018, PCI của tỉnh có nhiều cải thiện hơn cả về điểm số lẫn thứ hạng; vị trí cao nhất mà Đắk Lắk đạt được là 23/63 tỉnh thành vào năm 2015 với điểm số PCI là 59, xếp nhóm khá. Xét trong khu vực Tây

Nguyên, về bình diện chung, điểm số PCI của tỉnh Đắk Lắk khá cao so với các tỉnh trong khu vực Tây Nguyên; trong những năm từ 2010 đến 2017 chỉ xếp thứ hai sau Lâm Đồng. Tuy nhiên, năm 2018 vừa qua, xếp hạng PCI của Đắk Lắk so với các tỉnh trong khu vực đã có sự thay đổi, tụt xuống hạng thứ ba, sau Lâm Đồng và Gia Lai (cụ thể tại Hình 1).

Tốc độ tăng điểm PCI của Đắk Lắk trong thời gian qua khá nhỏ với biên độ dao động trong khoảng từ 0% - 2%/năm. Đặc biệt năm 2017, điểm số PCI của Đắk Lắk tăng đến 6%, tuy nhiên lại không cải thiện được thứ hạng và còn là năm duy nhất bị xếp vào nhóm trung bình. Lý do cho trường hợp này là do trong năm 2017, mặt bằng điểm của tất cả các tỉnh trên cả nước đều tăng lên với mức điểm trung vị tăng đến 17,3%; dẫn đến điểm số tăng nhưng thứ hạng PCI và xếp loại nhóm PCI của tỉnh lại giảm. Năm 2018, mặc dù điểm số có tăng nhưng không đáng kể (chỉ có 0,4%), do đó thứ hạng tụt xuống 40.

Về xếp nhóm, trong năm 2018, tuy giảm mạnh về thứ hạng, Đắk Lắk vẫn được xếp vào nhóm có chất lượng điều hành khá, nguyên nhân do điểm số PCI của các tỉnh đang có xu hướng hội tụ theo thời gian, biên độ giữa tỉnh đứng đầu và cuối bảng xếp hạng đang dần đang được thu hẹp khoảng cách mạnh mẽ, chất lượng điều hành kinh tế giữa các địa phương đang ngày càng tốt lên và tiệm cận nhau, nhóm các tỉnh xếp hạng khá vì thế cũng nhiều và khá sát nhau về mặt điểm số. Xu hướng này đặt ra nhiều cơ hội và thách thức cho tỉnh trong việc cải thiện vị trí trong bảng xếp hạng cả nước: thứ nhất về mặt cơ hội, các tỉnh trong nhóm đầu đang có dấu hiệu chững lại, sau khi đã triển khai nhiều sáng kiến ở các khâu để cải cách như đăng ký doanh nghiệp, dường như đang vấp phải hiện tượng “đụng trần thể chế” nên sẽ khó có thể triển khai các sáng kiến để tăng tốc; các tỉnh ở nhóm sau, trong đó có Đắk Lắk có thể tham khảo các cách làm hay, thực tiễn tốt từ nhóm trên để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của mình. Ngược lại, xu hướng này cũng đặt ra thách thức là cùng với tốc độ chuyển mình khá mạnh mẽ của các địa phương, nếu muốn cải thiện về mặt thứ hạng, tỉnh Đắk Lắk sẽ phải cần rất nhiều nỗ lực mới có thể bứt phá, cải thiện vị thế của mình trong bức tranh PCI chung của cả nước.

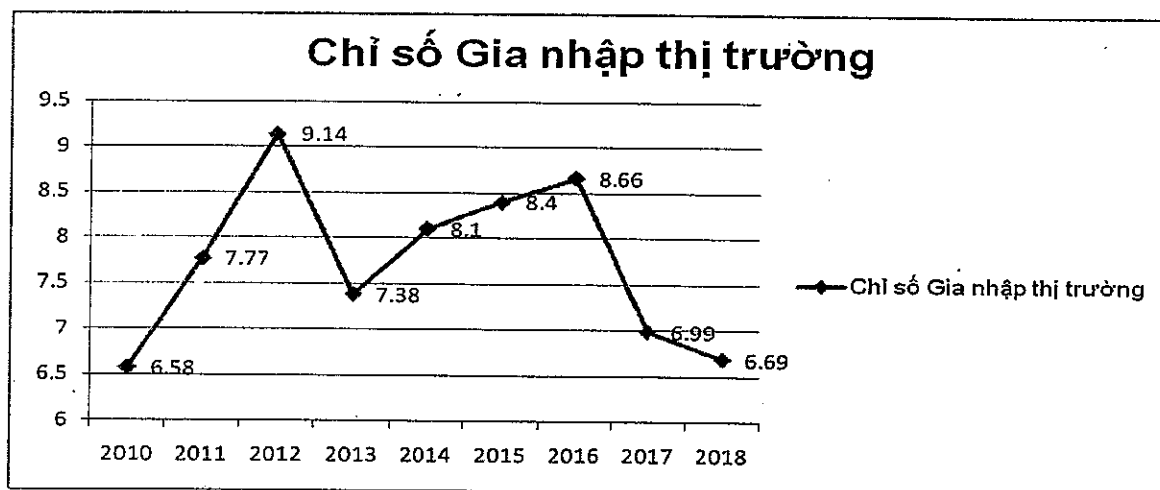
II. Phân tích các chỉ số thành phần

Thiết kế Chỉ số PCI được thay đổi nhiều lần, trong những năm gần đây, Bộ chỉ số được giữ ổn định với 10 chỉ tiêu thành phần: CSTP 1: Gia nhập thị trường; CSTP 2: Tiếp cận đất đai; CSTP 3: Tính Minh bạch; CSTP 4: Chi phí thời gian; CSTP 5: Chi phí không chính thức; CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng; CSTP 7: Tính năng động; CSTP 8: Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp; CSTP 9: Đào tạo lao động; CSTP 10: Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự. Bên cạnh một vài chỉ số có xu hướng cải thiện như Chỉ số Chi phí không chính thức và Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng, đa số các chỉ số còn lại không tăng hoặc có xu hướng giảm như chỉ số Gia nhập thị trường, Tiếp cận đất đai và Tính Minh bạch.

Bảng 2. Chỉ số thành phần PCI của Đắk Lắk 2010 – 2018

Năm	2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018
CSTP 1: Gia nhập thị trường	6.58	7.77	9.14	7.38	8.10	8.40	8.66	6.99	6.69
CSTP 2: Tiếp cận đất đai	6.5	5.61	6.47	6.79	6.33	6.11	6.01	6.89	6.59
CSTP 3: Tính Minh bạch	5.62	5.81	5.95	5.56	5.69	5.99	6.36	6.34	5.94
CSTP 4: Chi phí thời gian	5.54	7.24	5.29	6.17	6.20	5.86	6.05	6.02	6.89
CSTP 5: Chi phí không chính thức	6.11	5.74	6.29	5.24	4.61	4.65	4.41	4.88	6.34
CSTP 6: Cạnh tranh bình đẳng	-	-	-	6.68	5.02	5.99	5.06	6.39	6.73
CSTP 7: Tính năng động	4.93	2.39	3.59	4.82	3.18	4.21	5.04	5.38	5.25
CSTP 8: Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp	7.01	3.43	4.19	5.66	6.82	6.51	5.92	6.80	6.34
CSTP 9: Đào tạo lao động	5.50	4.00	5.07	5.35	6.02	5.58	5.80	6.14	6.21
CSTP 10: Thiết chế pháp lý và ANTT	4.57	4.63	3.26	5.68	5.35	5.83	5.29	5.84	6.21

1. Chỉ số Gia nhập thị trường



Nguồn: Tổng hợp từ VCCI

Chi phí Gia nhập thị trường đo lường thời gian một doanh nghiệp cần để đăng ký doanh nghiệp và nhận được mọi loại giấy phép, hoàn thành mọi thủ tục cần thiết để tiến hành hoạt động kinh doanh. Từ năm 2013, chỉ số này được bổ sung thêm nhóm chỉ tiêu đánh giá hiệu quả của bộ phận Một cửa khi thực hiện đăng ký doanh nghiệp thông qua các tiêu chí như cán bộ tại bộ phận Một cửa thân thiện, nhiệt tình, am hiểu chuyên môn, hướng dẫn thủ tục tại bộ phận Một cửa rõ ràng. Từ năm 2010 - 2016, VCCI bổ sung thêm tiêu chí đánh giá thời gian chờ đợi để được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất; đến năm 2017, chỉ số Gia nhập thị trường được hiệu chỉnh đã bỏ chỉ tiêu thành phần về quyền sử dụng đất và thay vào đó là đánh giá thông qua "Tỷ lệ doanh nghiệp làm thủ

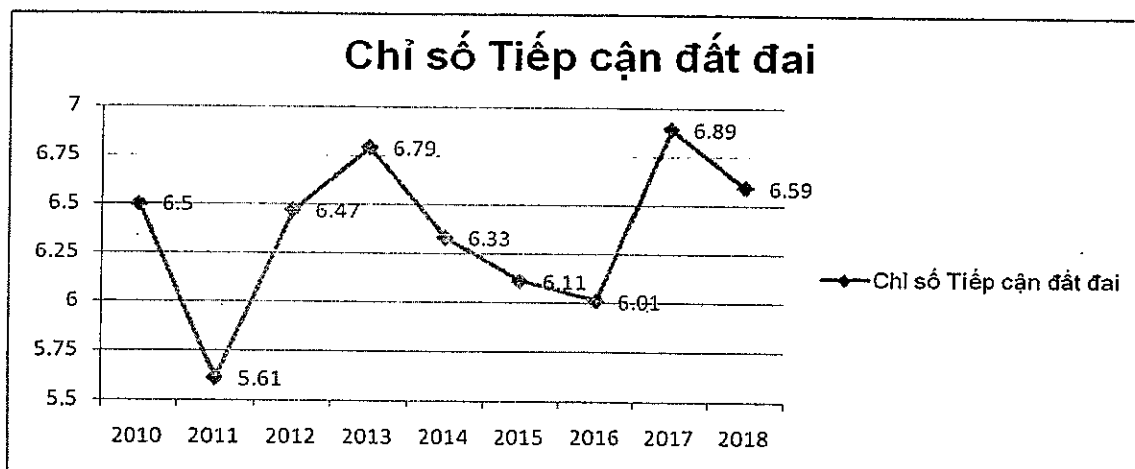
trọng, từ vị trí thứ 19 (năm 2016) giảm mạnh xuống vị trí 60 (2017), 58 (2018) - thuộc nhóm cuối Bảng xếp hạng cả nước. Nguyên nhân chủ yếu được ghi nhận từ kết quả khảo sát là tốc độ “chuyển mình” của tỉnh trong đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp nhìn chung còn chậm; các thủ tục hành chính nhìn chung còn rườm rà, chậm thay đổi, làm kéo dài chi phí thời gian, chi phí gia nhập thị trường của doanh nghiệp; việc ứng dụng công nghệ thông tin, triển khai đa dạng các phương thức cung cấp dịch vụ công mới liên quan đến các thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp còn chưa kịp thời, trình độ chuyên môn của cán bộ chưa được đánh giá cao. Bên cạnh đó, do hầu hết các doanh nghiệp của tỉnh có quy mô nhỏ và siêu nhỏ, trình độ quản lý doanh nghiệp, khả năng tiếp cận quy định pháp lý còn hạn chế nên đa phần vẫn ưu tiên phương thức làm thủ tục trực tiếp tại bộ phận một cửa để được hướng dẫn chi tiết, do việc kê khai hồ sơ tương đối phức tạp, phương thức nộp trực tuyến chưa được đại đa số doanh nghiệp đón nhận (mặc dù cơ quan đăng ký kinh doanh đã triển khai nhưng tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến không cao).

2. Chỉ số Tiếp cận đất đai

Chỉ số Tiếp cận đất đai và mức ổn định trong sử dụng đất được đánh giá từ hai góc độ:

- Ghi nhận những khó khăn khi tìm kiếm mặt bằng sản xuất kinh doanh phù hợp, những khó khăn này không những làm doanh nghiệp mất đi cơ hội đầu tư mà còn hạn chế khả năng tiếp cận nguồn vốn tín dụng do không có vật thế chấp tại ngân hàng. Theo đó, chỉ số này được tính toán căn cứ vào tình trạng doanh nghiệp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không, có đủ mặt bằng để đáp ứng nhu cầu mở rộng mặt bằng hay không, mức giá thực chất tại địa phương trong mối tương quan giữa nhu cầu và quỹ đất của địa phương và chất lượng thực hiện thủ tục hành chính về đất đai qua tiêu chí tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính và không gặp bất cứ khó khăn nào.

- Đánh giá các chính sách liên quan đến đất đai có tạo ra “sự ổn định trong sử dụng đất”, mức độ an tâm của doanh nghiệp đối với các quyền sử dụng đất dài hạn của mình. Khi doanh nghiệp yên tâm về tính ổn định của mặt bằng sản xuất, họ sẽ tự tin đầu tư lâu dài trên mặt bằng đó. Theo đó, chỉ số này đánh giá rủi ro bị thu hồi mặt bằng và mức giá đền bù thỏa đáng trong trường hợp bị thu hồi đất.



Năm 2011, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá rủi ro bị thu hồi đất tăng cao, đồng thời tỷ lệ doanh nghiệp sẽ được bồi thường thỏa đáng khi bị thu hồi đất giảm so với năm 2010, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường cũng giảm so với năm 2010 đã ảnh hưởng rất lớn đến chỉ số Tiếp cận đất đai của tỉnh, làm cho chỉ số này giảm mạnh so với những năm trước đây. Đến năm 2012, việc tiếp cận đất đai và mức ổn định trong sử dụng đất của tỉnh đã có nhiều cải thiện, tỷ lệ doanh nghiệp có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tỷ lệ diện tích đất trong tỉnh có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chính thức (theo số liệu của Bộ Tài nguyên và Môi trường) tăng so với những năm trước, sự thay đổi khung giá đất của tỉnh cũng phù hợp hơn với sự thay đổi giá thị trường.

Năm 2013, sau khi điều chỉnh các chỉ tiêu thành phần⁽²⁾, mặc dù tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với nhận định “doanh nghiệp ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh” và “tỷ lệ doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/lo ngại cán bộ những nhiều” thấp nhưng “tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục” và “diện tích đất trong tỉnh có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất” ở mức khá cao đã giúp cho chỉ số Tiếp cận đất đai của tỉnh tiếp tục tăng lên. Tuy nhiên, từ năm 2014 đến 2016, “tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá rủi ro bị thu hồi đất” cao hơn so với những năm trước và “tỷ lệ doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”, “tỷ lệ doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục” và “tỷ lệ doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/lo ngại cán bộ những nhiều” có chiều hướng giảm và ở mức thấp đã làm cho chỉ số Tiếp cận đất đai của tỉnh đi xuống.

Năm 2017, chỉ số Tiếp cận đất đai tiếp tục được hiệu chỉnh bỏ đi 01 chỉ tiêu và thêm vào 04 chỉ tiêu⁽³⁾. Điều đặc biệt đối với PCI 2017 là trong bối cảnh tình hình tiếp cận đất đai và sự ổn định trong nhu cầu sử dụng đất của cả nước được nhận định có chiều hướng khó khăn thì tại Đắk Lắk lại cho thấy điều ngược lại, chỉ số Tiếp cận đất đai của tỉnh tiến bộ vượt bậc về thứ hạng, thuộc top 10 tỉnh có chỉ số này cao nhất cả nước, có điểm số và thứ hạng tốt nhất trong toàn giai đoạn, hầu hết các chỉ tiêu thành phần đều được cải thiện rất đáng kể. Tuy nhiên, trong khi đang có dấu hiệu cải thiện rất tích cực thì đến PCI 2018, toàn bộ các chỉ tiêu đo lường của chỉ số Tiếp cận đất đai của tỉnh đều giảm làm chỉ số này năm 2017 hạ đến 23 bậc, từ thứ 10/63 xuống thứ 33/63, việc tiếp cận đất đai được các doanh nghiệp đánh giá là rất khó khăn. Khi đi vào phân tích

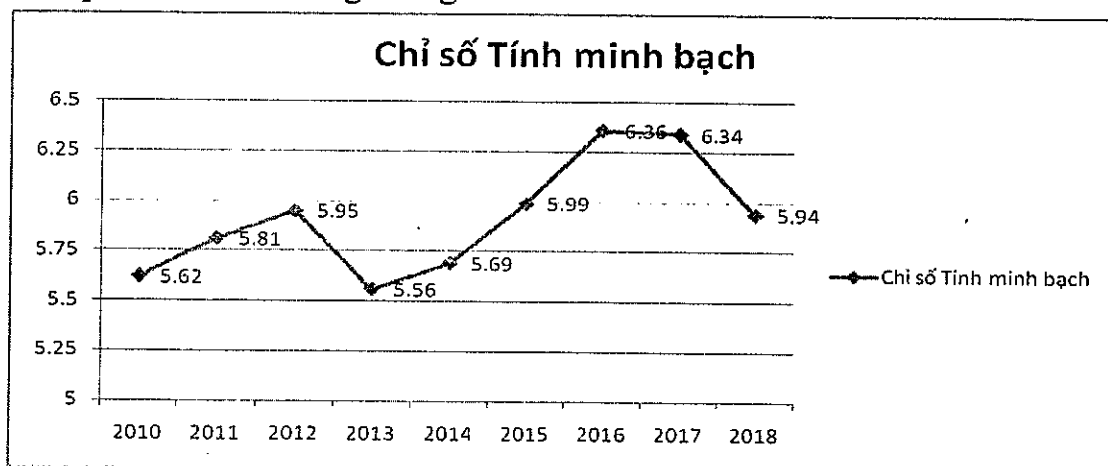
(2) Bổ sung thêm 03 chỉ tiêu, gồm: DN ngoài quốc doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh; % DN thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục và % DN có nhu cầu được cấp GCNQSDĐ nhưng không có do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ những nhiều.

(3) Bổ chỉ tiêu % diện tích đất trong tỉnh có GCNQSDĐ và thêm vào 04 chỉ tiêu: Số ngày chờ đợi để được cấp GCNQSDĐ; Khó khăn về thiếu quỹ đất sạch; Giải phóng mặt bằng chậm; Việc cung cấp thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng.

sâu, giải phóng mặt bằng chậm là điểm tác động không tốt đến chỉ số tiếp cận đất đai của tỉnh với 20% doanh nghiệp cho rằng việc giải phóng mặt bằng của tỉnh còn chậm (tỷ lệ này cách rất xa tỉnh được đánh giá tốt nhất, ở tỉnh tốt nhất chỉ có 2% doanh nghiệp cho rằng tỉnh đó giải phóng mặt bằng chậm). Việc tiếp cận mặt bằng khó khăn hơn, có đến hơn 1/3 số doanh nghiệp khảo sát (38%) cho biết gặp khó khăn trong tiếp cận/mở rộng mặt bằng kinh doanh (năm 2017, tỷ lệ này là 21%); tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh việc giải phóng mặt bằng của tỉnh là chậm tăng cao (từ 8% năm 2017 lên đến 20% năm 2018). Doanh nghiệp gặp khó khăn trong tiếp cận thông tin về đất đai, gần ½ doanh nghiệp khảo sát (42%) cho rằng việc tiếp cận thông tin về đất đai không thuận lợi, nhanh chóng, tỷ lệ này tăng gần gấp đôi so với năm trước (28%). Ngoài nguyên nhân chủ quan từ phía địa phương thì phải kể đến nguyên nhân chính là do trong thời gian qua, thực hiện Thông báo số 53/TB-KTNN ngày 19/01/2018 của Kiểm toán nhà nước đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, các thủ tục đất đai, đầu tư có liên quan hầu như đều phải tạm ngừng chờ kết luận chính thức. Mặc dù đã có nhiều nỗ lực trong giải quyết, tháo gỡ vấn đề, hướng dẫn, thông báo và giải thích cụ thể cho nhà đầu tư, song điều này vẫn tác động không nhỏ đến tâm lý của doanh nghiệp, nhà đầu tư, làm sụt giảm niềm tin của doanh nghiệp vào chính sách đất đai của tỉnh.

3. Chỉ số Tính minh bạch

Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin là một trong những yếu tố quan trọng nhất để phân biệt môi trường kinh doanh nào tạo thuận lợi cho sự phát triển khu vực tư nhân. Chỉ số này đánh giá khả năng doanh nghiệp có thể tiếp cận được những kế hoạch của tỉnh và văn bản pháp luật cần thiết cho công việc điều hành kinh doanh của mình, sự bình đẳng trong tiếp cận thông tin của các tài liệu này, việc cập nhật thông tin về chính sách, quy định mới cho doanh nghiệp, tính tiên liệu của việc triển khai thực hiện các chính sách quy định đó và mức độ phổ biến của trang thông tin của tỉnh.



Nguồn: Tổng hợp từ VCCI

Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của tỉnh trong thời gian qua có ghi nhận một số cải thiện tích cực, điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh ngày càng tăng, tỷ lệ doanh nghiệp truy cập vào website của UBND các cấp nhiều hơn và các Hiệp hội doanh nghiệp địa phương có vai trò quan trọng

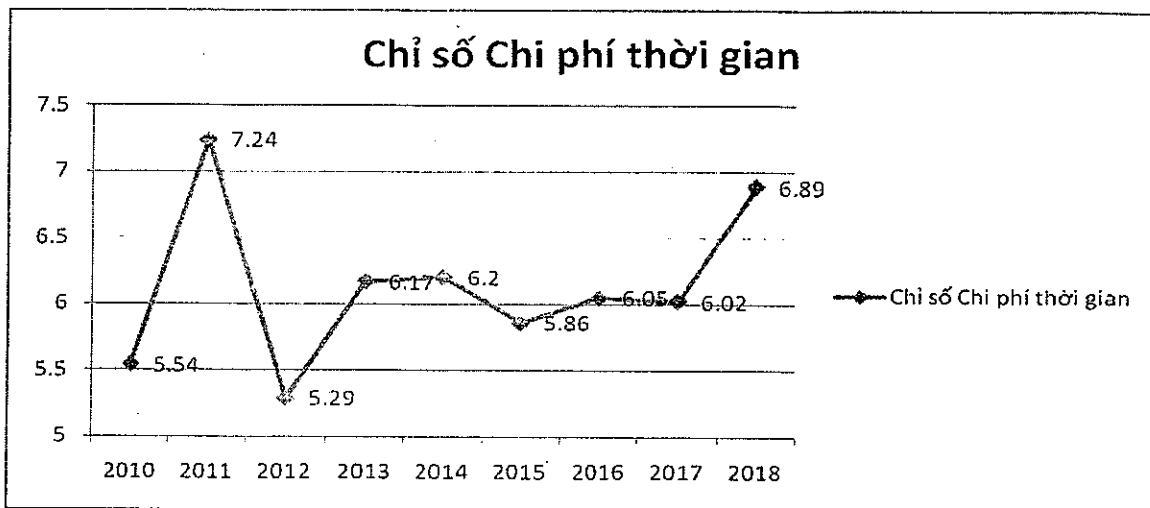
hơn trong việc xây dựng và phân biện chính sách, quy định của tỉnh. Doanh nghiệp hài lòng hơn trong tiếp cận thông tin về quy hoạch, pháp lý, mời thầu, có đến 65% thống nhất nhận định rằng thông tin mời thầu của tỉnh được công khai (năm 2017 tỷ lệ này là 58%), đây là một tỷ lệ khá cao so với mặt bằng chung cả nước.

Phân tích số liệu chi tiết của chỉ số Tính minh bạch trong giai đoạn vừa qua cũng cho thấy nhiều vấn đề quan ngại, việc tiếp cận các tài liệu về quy hoạch, kế hoạch, các tài liệu pháp lý, các tài liệu về ngân sách còn hạn chế, tỷ lệ doanh nghiệp đánh giá cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh còn ở mức khá cao (60-80%), trong khi khả năng doanh nghiệp có thể dự đoán được trong thực thi pháp luật của tỉnh còn rất thấp (chỉ có từ 2-11% doanh nghiệp nhận định có khả năng dự đoán được); tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng "Thỏa thuận" khoản thuế phải nộp với cán bộ thuế là công việc quan trọng vẫn còn ở mức cao (chiếm từ 35-63%), hầu hết chỉ tiêu này của các năm đều cao hơn mức trung vị cả nước; rõ ràng hoạt động thuế vẫn chưa thật sự minh bạch, vẫn còn tình trạng "đi cửa sau" làm ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp và thất thoát ngân sách nhà nước. Chỉ có 57% doanh nghiệp được khảo sát cho biết đã từng truy cập vào website của tỉnh, trong khi trên thực tế trang web của tỉnh là một trong những kênh cung cấp thông tin, chính sách, pháp luật chính thức và có hiệu quả tốt, góp phần minh bạch hóa thông tin, tránh phát sinh các xung đột xảy ra là do thiếu thông tin.

Như vậy, bên cạnh mặt tích cực, chỉ số này của tỉnh trong những năm gần đây vẫn còn nhiều vấn đề lưu ý. Theo phương pháp nghiên cứu của VCCI, chỉ số Tính minh bạch là một trong những trọng số quan trọng nhất trong điều hành kinh tế cấp tỉnh; do đó, việc thứ hạng của chỉ số này đang có xu hướng xuống thấp trong những năm gần đây (năm 2016 đứng thứ 21/63, năm 2017 đứng thứ 32/63, năm 2018 đứng thứ 46/23), cho thấy việc tiếp cận thông tin của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chưa có sự cải thiện theo thời gian và đang có xu hướng "đi lùi" so với các tỉnh thành khác, là một trong các nguyên nhân chính làm giảm năng lực cạnh tranh của tỉnh.

4. Chỉ số Chi phí thời gian

Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của nhà nước đo lường thời gian mà các doanh nghiệp phải bỏ ra khi thực hiện các thủ tục hành chính cũng như mức độ thường xuyên và thời gian mà doanh nghiệp phải tạm ngừng kinh doanh để các cơ quan quản lý nhà nước của tỉnh thực hiện việc thanh tra, kiểm tra, ví dụ như: tỉ lệ doanh nghiệp dành thời gian hơn 10% quỹ thời gian trong năm tìm hiểu và thực hiện các thủ tục theo quy định của pháp luật; số cuộc thanh kiểm tra hàng năm và thời gian trung bình mỗi cuộc thanh tra, kiểm tra thuế; các tiêu chí đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức nói chung.



Nguồn: Tổng hợp từ VCCI

Năm 2011, chỉ số này đặc biệt tăng cao (cao nhất từ trước đến nay), sau khi thực hiện cải cách hành chính công, các tiêu chí “cán bộ, công chức làm việc hiệu quả hơn”, “số lần đi xin dấu và xin chữ ký của doanh nghiệp giảm”, “thủ tục giấy tờ giảm”, “các loại phí, lệ phí của nhiều thủ tục giảm” được doanh nghiệp đánh giá tăng cao. Tuy nhiên, đến năm 2012, cùng với tiêu chí “số cuộc thanh tra trung vị” và “số giờ trung vị làm việc với thanh tra thuế” tăng lên, thì các tiêu chí này đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức nói chung giảm so với năm 2011 làm cho chỉ số Chi phí thời gian của tỉnh giảm mạnh.

Từ năm 2013, chi phí thời gian của tỉnh có sự cải thiện đáng kể, mặc dù các chỉ tiêu “tỷ lệ doanh nghiệp dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước” và “số giờ trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế” tăng lên nhưng các tiêu chí đánh giá hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức nói chung, “phí, lệ phí được công khai”, “thủ tục giấy tờ đơn giản” được cải thiện, cho thấy sự nỗ lực của các cấp ngành, UBND tỉnh trong thực hiện các giải pháp nhằm cắt giảm chi phí thời gian cho doanh nghiệp, cải cách hành chính đã được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận. Tuy nhiên, sau khi chỉ số Chi phí thời gian bổ sung thêm tiêu chí “Tỷ lệ doanh nghiệp bị thanh, kiểm tra từ 5 cuộc trở lên trong năm”, trong hai năm 2016 - 2017 có tới 6% doanh nghiệp được khảo sát trả lời nội dung này, cho thấy hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn còn nhiều hạn chế, một số cuộc thanh tra kéo dài làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo phương pháp nghiên cứu của VCCI, Chỉ số chi phí thời gian có thể nói là một chỉ số phản ánh tổng quan nhất về hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh. Chỉ số này của tỉnh trong những năm gần đây có thể nói ở vị trí thấp, thường xuyên thuộc nhóm cuối bảng xếp hạng (thứ hạng từ năm 2010 đến 2015 lần lượt là 49, 16, 42, 49, 42, 54), mặc dù vậy các nỗ lực của tỉnh trong thực hiện các giải pháp nhằm cắt giảm chi phí thời gian cho doanh nghiệp, cải cách hành chính cải cách hành chính đang dần được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận, bằng chứng là từ năm 2015 đến nay, thứ hạng chỉ số này đang dần được cải thiện từ nhóm cuối lên nhóm giữa bảng xếp hạng cả nước, năm 2018

giữ thứ hạng cao nhất trong 05 năm gần đây (thứ hạng chỉ số chi phí thời gian từ năm 2015-2018 lần lượt là 54, 50, 48, 33). Với thuận lợi là địa phương đi sau, lợi thế có thể rút ra nhiều bài học kinh nghiệm từ các tỉnh thành khác trong cả nước trong cải cách hành chính, cùng với xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, có thể nói dư địa trong cải cách hành chính là một trong các lợi thế của tỉnh trong cải thiện điểm số và thứ hạng chỉ số PCI; cải cách hành chính mạnh mẽ sẽ tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, tác động cơ bản vào nhiều chỉ số thành phần, từ đó góp phần vào việc cải thiện PCI của tỉnh.

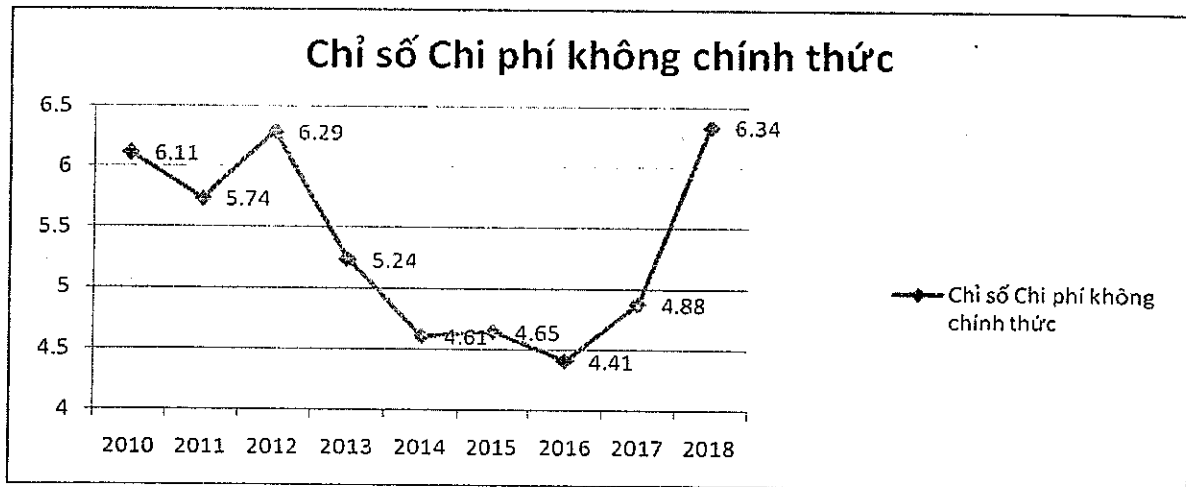
5. Chỉ số Chi phí không chính thức

Chỉ số Chi phí không chính thức đo lường mức chi phí (không chính thức) mà doanh nghiệp phải trả cũng như những trở ngại do những chi phí này gây nên đối với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Việc trả những chi phí không chính thức có đem lại kết quả hay “dịch vụ” như mong đợi không và liệu các cán bộ nhà nước có sử dụng quy định của pháp luật để trục lợi không. Từ khi công bố PCI đến nay, Chỉ số chi phí không chính thức của tỉnh luôn ở dưới mức trung bình (trừ năm 2018), đặc biệt vào năm 2016 ở mức thấp nhất từ trước đến nay, đứng thứ 58/63 tỉnh thành.

Trong những năm 2010 - 2012, Chỉ số chi phí không chính thức bắt đầu có đánh giá về tỷ lệ “doanh nghiệp chi trả chi phí không chính thức khi đăng ký kinh doanh”. Tại tỉnh Đắk Lắk, tỷ lệ doanh nghiệp được khảo sát đồng ý với nhận định này ở mức thấp đã phần nào giúp cải thiện điểm số của Chỉ số chi phí không chính thức của tỉnh.

Từ năm 2013 đến năm 2016, việc Chỉ số chi phí không chính thức được hiệu chỉnh, chỉ còn 05 chỉ tiêu đánh giá⁽⁴⁾ đã thể hiện rõ tình trạng những nhiễu, lạm dụng chức quyền trong giải quyết thủ tục hành chính, tình trạng đòi hỏi lợi ích trong giải quyết công việc tại tỉnh rất nghiêm trọng, làm ảnh hưởng lớn đến việc cải thiện năng lực cạnh tranh của tỉnh, doanh nghiệp của tỉnh đã “dần quen” với việc phải chi trả chi phí không chính thức và cho rằng đó là việc phải làm để công việc đạt kết quả.

⁽⁴⁾ Bộ chỉ tiêu “DN chi trả chi phí không chính thức khi đăng ký kinh doanh”, chỉ còn 05 chỉ tiêu: “Các DN cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức”, “% DN phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức”, “Hiện tượng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho DN là phổ biến”, “Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức”, “Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được”.



Nguồn: Tổng hợp từ VCCI

Đến năm 2017, chỉ số này được bổ sung thêm 04 chỉ tiêu đánh giá⁽⁵⁾, theo đó một số chỉ tiêu có cải thiện (ít) như “Các doanh nghiệp cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức”, “Tỉ lệ doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức”; các chỉ tiêu mới được bổ sung đều ở mức trung bình, tương đồng với xu hướng chung của cả nước. Vừa qua, PCI 2018 công bố đã ghi nhận kết quả tích cực trong việc cắt giảm chi phí không chính thức của doanh nghiệp, hầu hết các chỉ tiêu đo lường đều được cải thiện so với năm trước, đứng thứ 21/63 tỉnh thành.

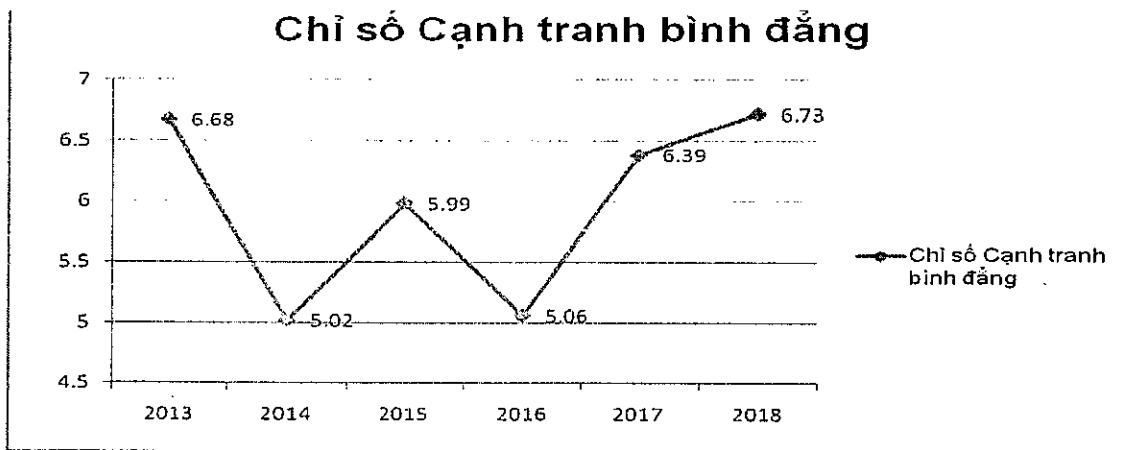
Xét tổng thể trong cả giai đoạn, trên mặt bằng chung và qua nhiều năm, điểm số chỉ số thành phần Chi phí không chính thức của Đắk Lắk thường thấp hơn mức trung bình cả nước. Tuy nhiên, những năm gần đây, đặc biệt là từ PCI 2018 đã ghi nhận cải thiện đáng kể của tỉnh trong việc cắt giảm chi phí không chính thức cho doanh nghiệp và là chỉ tiêu thành phần được cải thiện nhiều nhất trong số 10 chỉ tiêu PCI 2018, đây là tín hiệu tích cực, nếu cải thiện được và duy trì thì sẽ có tác động tích cực đến điểm số và thứ hạng PCI cũng như góp phần cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh.

6. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng

Từ năm 2013, chỉ số thành phần Cạnh tranh bình đẳng bắt đầu được đưa vào bộ chỉ số thành phần của PCI, với mục tiêu nhằm đánh giá cảm nhận của các doanh nghiệp dân doanh về các ưu đãi dành cho doanh nghiệp nhà nước (DNNN), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (doanh nghiệp FDI) và các doanh nghiệp thân quen với cán bộ chính quyền cấp tỉnh, thể hiện dưới dạng đặc quyền, ưu đãi cụ thể, phân biệt về chính sách và việc tiếp cận các nguồn lực cho phát triển của do thủ tục hành chính và chính sách; phản ánh nỗ lực của chính quyền địa phương trong việc tạo lập sân chơi bình đẳng cho các doanh nghiệp.

⁽⁵⁾ Gồm: “Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT cho cán bộ thanh, kiểm tra”; “Tỉ lệ DN có chi trả CPKCT trong thực hiện TTHC đất”; “Chi trả CPKCT là điều bắt buộc để đảm bảo trúng thầu”; “DN lo ngại tình trạng ‘chạy án’ là phổ biến”.

Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng



Nguồn: Tổng hợp từ VCCI

Trong các năm 2014 và 2016, tỷ lệ doanh nghiệp đồng ý với các nhận định DNNN và doanh nghiệp FDI được ưu tiên đối xử trong thực hiện các thủ tục hành chính và chính sách đồng loạt tăng cao đã làm giảm điểm của chỉ số này, doanh nghiệp chưa tin tưởng vào sự đối xử công bằng của chính quyền giữa các doanh nghiệp và cho rằng tình trạng “thiên vị” DNNN, doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp nước ngoài, quan ngại bị phân biệt đối xử trong quá trình hoạt động ngày một nhiều lên, niềm tin về sự bình đẳng của chính quyền trong 2 năm này giảm.

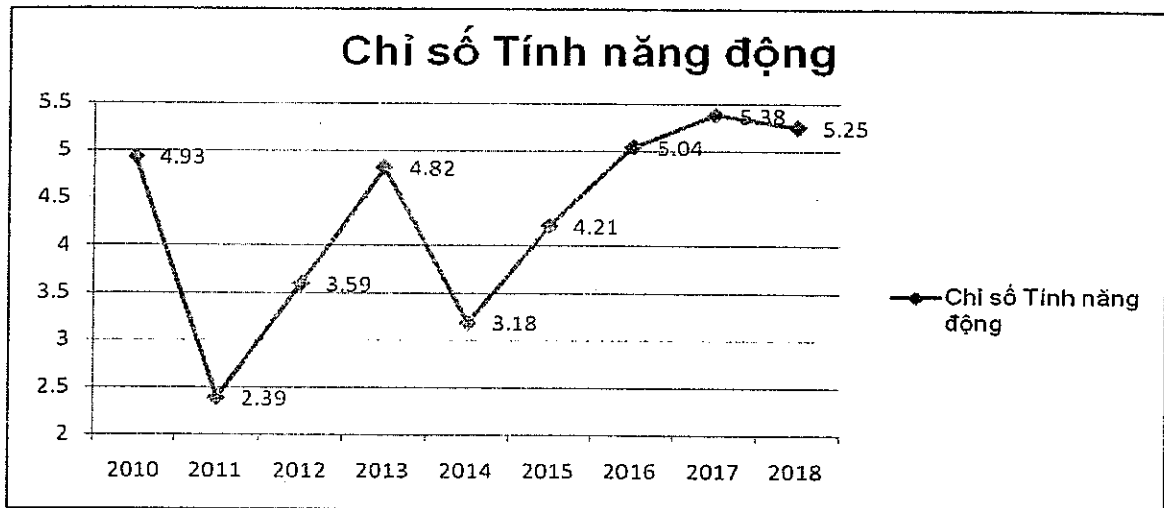
Từ năm 2017, niềm tin của doanh nghiệp về sự bình đẳng của chính quyền đã được cải thiện rất đáng kể, các nhận định chưa chính xác về các chính sách của tỉnh dành cho DNNN, doanh nghiệp FDI đã được điều chỉnh phù hợp hơn, hầu hết chỉ tiêu thành phần của chỉ số cạnh tranh bình đẳng đều được đánh giá tích cực, cao hơn nhiều so với trung bình chung cả nước, năm 2017 tỉnh đứng thứ 3/63 về môi trường bình đẳng. Đến năm 2018, mặc dù có giảm về thứ hạng, tuy nhiên vẫn giữ vị trí cao (xếp thứ 9/63), tỷ lệ doanh nghiệp cho rằng tỉnh ưu ái hơn cho các doanh nghiệp nhà nước giảm từ 37% xuống còn 29%; tỷ lệ cho rằng doanh nghiệp nhà nước thuận lợi hơn trong tiếp cận các khoản vay cũng giảm đáng kể từ 25% xuống còn 16%.

Xét trên bình diện chung, môi trường cạnh tranh bình đẳng tiếp tục là lợi thế cạnh tranh của tỉnh qua các năm, chỉ số Cạnh tranh bình đẳng là chỉ số thành phần khả quan nhất trong bộ các tiêu chí thành phần PCI của tỉnh, luôn có xu hướng cao hơn đường trung vị, thường nằm ở khoảng giữa của tỉnh có kết quả tốt nhất và tỉnh trung vị, đây có thể nói là điểm sáng nổi bật trong bộ chỉ số thành phần của tỉnh. Trong năm 2018, mặc dù hạ 6 bậc nhưng về mặt điểm số tăng đáng kể, Đắk Lắk vẫn đang ở top 10 tỉnh thành có môi trường cạnh tranh bình đẳng nhất trong cả nước. Xét về mặt ngược lại, đặt trong cục diện chung cả nước, việc chỉ số này giảm đến 9 bậc cho thấy các địa phương trong cả nước cũng đã và đang có rất nhiều nỗ lực trong tạo lập sân chơi bình đẳng cho tất cả các doanh nghiệp. Do đó, mặc dù đang ở nhóm dẫn đầu, tuy nhiên để tiếp tục giữ vững vị trí, kết quả đạt được này, tỉnh cần phải có rất nhiều nỗ lực hơn trong giải quyết thủ tục hành chính, tiếp cận đất đai, nguồn lực cho các thành phần doanh nghiệp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp trong nước có quy mô nhỏ và

siêu nhỏ, tránh làm phát sinh tâm lý “phân biệt đối xử” giữa các thành phần doanh nghiệp, ảnh hưởng đến nhận định của doanh nghiệp về môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh.

7. Chỉ số Tính năng động

Chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh đo lường tính sáng tạo, linh hoạt của chính quyền tỉnh trong quá trình thực thi chính sách của Trung ương trong việc đưa ra những sáng kiến riêng nhằm phát triển khu vực kinh tế tư nhân, đồng thời đánh giá khả năng hỗ trợ và áp dụng những chính sách đôi khi chưa rõ ràng của Trung ương theo hướng có lợi cho doanh nghiệp, cũng như tính hiệu lực thực thi của các cấp sở, ngành và huyện thị với các chủ trương của lãnh đạo tỉnh.



Năm 2011, chỉ số Tính năng động và tiên phong của chính quyền tỉnh sụt giảm nghiêm trọng, có điểm số và thứ hạng thấp nhất từ trước đến nay (xếp thứ 59/63 tỉnh thành với 2,39 điểm), các tiêu chí đánh giá⁽⁶⁾ đều thấp hơn mức trung bình cả nước. Trong hai năm tiếp theo, chỉ số này đã có nhiều chuyển biến tích cực, cảm nhận của doanh nghiệp về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân và tính linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân được cải thiện. Tuy nhiên, đến năm 2014, các chỉ tiêu đánh giá tính linh hoạt, năng động và sáng tạo của chính quyền và thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân đồng loạt giảm điểm đã ảnh hưởng lớn đến chỉ số này của tỉnh. Từ năm 2015 đến 2018, chỉ số này đã ổn định và có những chuyển biến khả quan hơn ở một số mặt. Tín hiệu lạc quan là số liệu khảo sát gần nhất (2018) ghi nhận rằng 100% doanh nghiệp khảo sát đều nhận được phản hồi của CQNN tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc, như vậy công tác giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp đang thực hiện cơ bản rất tốt (tỷ lệ cao nhất cả nước); hiệu quả Hội nghị đối thoại doanh nghiệp được đánh giá cao hơn.

Như vậy, cùng với xu hướng chung của cả nước, Chỉ số thành phần tính năng động của Đắk Lắk trong giai đoạn qua cũng có xu hướng tăng nhẹ qua các

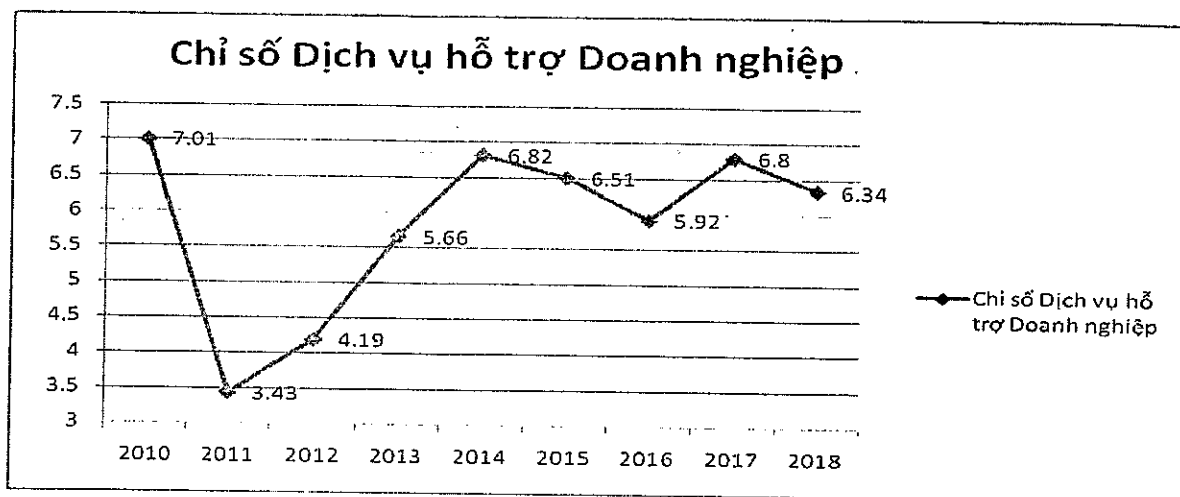
⁽⁶⁾ Gồm: “Cán bộ tỉnh nắm vững các chính sách, quy định hiện hành trong khung khổ pháp luật để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho DN”; “Tinh sáng tạo và sáng suốt trong việc giải quyết những trở ngại đối với cộng đồng doanh nghiệp tư nhân”; “Cảm nhận của DN về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân”

nam và bam sat dương trung vị. Doanh nghiệp danh gia kha tốt tinh nang đợng, sáng tạo của lãnh đạo tỉnh, dù điểm số các chỉ tiêu trong chỉ số thành phần này chỉ tiệm cận mức trung vị và còn cách xa điểm số các chỉ tiêu của tỉnh có thành tích tốt nhất.

Tuy nhiên, chỉ số này đang có xu hướng cải thiện kém, các chỉ tiêu đo lường chưa đảm bảo tính cạnh tranh so với các địa phương khác. Trong năm 2017 và 2018 chỉ số này của Đắk Lắk có xu hướng giảm thấp hơn so với đường trung vị (năm 2018 hạ đến 18 bậc, xếp thứ 51/63), điều này cho thấy cảm nhận của doanh nghiệp về cách thức điều hành của bộ máy chính quyền đang có dấu hiệu đi xuống, hầu hết các chỉ tiêu đánh giá đều ở mức thấp so với cả nước. Tỷ lệ phản hồi, giải quyết khó khăn, vướng mắc được cải thiện, tuy nhiên phần lớn doanh nghiệp được khảo sát chưa hài lòng với kết quả phản hồi/cách giải quyết của chính quyền tỉnh. Như vậy, có thể thấy mặc dù đã có rất nhiều nỗ lực trong việc đồng hành cùng doanh nghiệp, song so với các tỉnh thành trong cả nước, sự chuyên biến của tỉnh trong phương pháp chỉ đạo điều hành là chưa “đủ” so với mong mỏi của doanh nghiệp; các giải pháp điều hành, chỉ đạo của UBND tỉnh chưa được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận và đánh giá cao về mức độ linh hoạt, sáng tạo. Chỉ có khoảng một nửa số doanh nghiệp được khảo sát thống nhất rằng UBND tỉnh năng động, sáng tạo trong giải quyết vấn đề. Bên cạnh đó, theo cảm nhận của doanh nghiệp các Sở, ban ngành và UBND cấp huyện trong triển khai thực hiện chính sách và ý kiến chỉ đạo của cấp tỉnh còn “cứng nhắc”, chưa kịp thời, chưa thực thi tốt theo ý kiến chỉ đạo của tỉnh.

8. Chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp

Các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp có vai trò then chốt để doanh nghiệp thành công trong hoạt động kinh doanh. Việc đánh giá các dịch vụ này trên 3 phương diện chính: doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ tại tỉnh không, nếu có thì dịch vụ đó có do các đơn vị tư nhân cung cấp không và dự kiến có sử dụng lại dịch vụ trong thời gian tới không (các dịch vụ này gồm: Dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường; Dịch vụ tư vấn về pháp luật; Dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh; Dịch vụ xúc tiến thương mại; Dịch vụ liên quan đến công nghệ; Đào tạo về kế toán, tài chính và Đào tạo về quản trị kinh doanh). Vai trò của chính quyền địa phương là tập trung tạo môi trường thân thiện cho doanh nghiệp trong các lĩnh vực cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động. Sự tham gia tích cực của các nhà cung cấp dịch vụ tư nhân góp phần tạo ra mặt bằng sản phẩm, dịch vụ cao hơn và bền vững hơn về dài hạn.



Nguồn: Tổng hợp từ VCCI

Năm 2011, một số chỉ tiêu đánh giá liên quan đến sự tham gia của nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân tại tỉnh như số lượng các nhà cung cấp dịch vụ công là tư nhân trong tỉnh; doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin kinh doanh; tìm đối tác kinh doanh; dịch vụ xúc tiến thương mại ở mức thấp đã làm Chỉ số Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh giảm sâu.

Từ năm 2012 đến 2018, Chỉ số thành phần Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh đang dần được cải thiện; tỷ lệ các doanh nghiệp có sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh như tìm kiếm thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, tìm kiếm đối tác kinh doanh, tư vấn pháp luật, dịch vụ về công nghệ, đào tạo về quản trị kinh doanh, kế toán tài chính đang dần tăng lên. Tuy nhiên, chất lượng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh không ổn định, vào năm 2016, tỷ lệ doanh nghiệp cho biết sẽ tiếp tục sử dụng các dịch vụ này giảm đáng kể so với năm 2015 và hầu hết đều dưới ngưỡng trung vị (có chỉ tiêu xuống thấp gần một nửa, như dịch vụ công nghệ, dịch vụ đào tạo kế toán và tài chính). Điều này cho thấy chất lượng và hiệu quả mà các dịch vụ hỗ trợ mang lại (gồm các dịch vụ do tỉnh cung cấp và các dịch vụ tư nhân cung cấp) chưa đáp ứng mong đợi và yêu cầu của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, tỷ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp (theo số liệu từ Tổng Cục thống kê) tại tỉnh vẫn còn tương đối thấp (dao động từ 0,31 đến 1,36%).

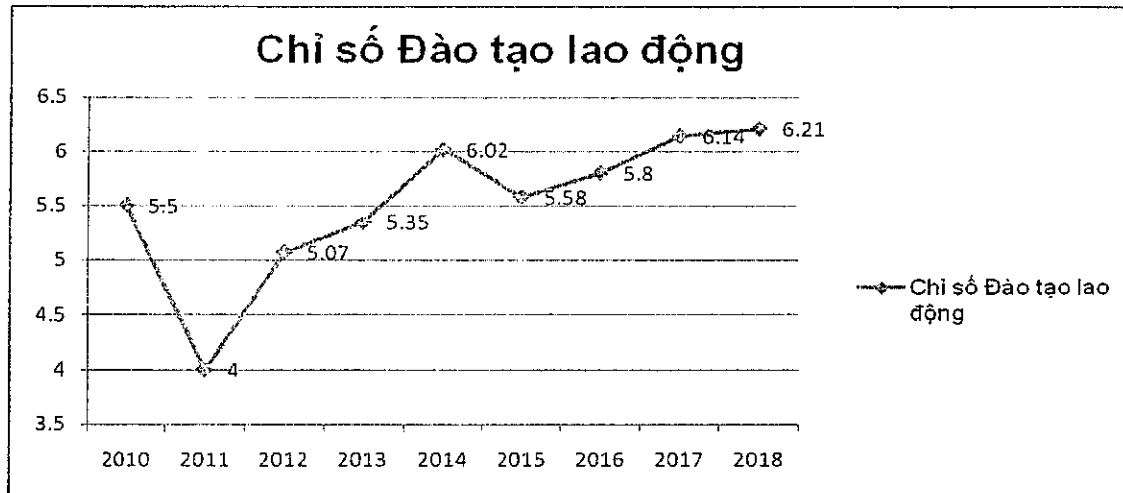
Như vậy xét về mặt tổng quan, mặc dù tỉnh đã triển khai rất nhiều giải pháp nhằm hỗ trợ doanh nghiệp (tư vấn pháp lý, xúc tiến thương mại, hỗ trợ đào tạo nguồn nhân lực, hỗ trợ nghiệp vụ kế toán, thuế, hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp...); tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ này chưa nhiều, nỗ lực của tỉnh chưa đến được với đại đa số doanh nghiệp; số lượng đơn vị tư nhân cung cấp dịch vụ còn ít. Do đó, điểm số và thứ hạng của chỉ số này của tỉnh tương đối thấp, năm 2017 hạ 5 bậc, năm 2018 hạ đến 19 bậc.

Cùng với chủ trương của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp, hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp của cả nước trong những năm gần đây rất sôi động, mức trung vị của hầu hết các chỉ tiêu đánh giá đều tăng vượt bậc, dự báo trong thời gian tới sẽ còn có những đột phá đáng kể. Do đó, nếu muốn tiếp tục

đuy trì vị trí va điểm số của tỉnh đối với nơi riêng va cai thiện PCI của tỉnh nói chung, cần có nhiều giải pháp hơn nữa nhằm nâng cao số lượng và chất lượng các dịch vụ công về hỗ trợ doanh nghiệp, đẩy mạnh hơn nữa sự tham gia của khối tư nhân vào hoạt động cung cấp các dịch vụ hỗ trợ, đáp ứng mong đợi và nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp.

9. Chỉ số Đào tạo lao động

Chất lượng lao động là yếu tố rất quan trọng đối với nhiều doanh nghiệp. Chỉ số thành phần Đào tạo lao động phản ánh mức độ và chất lượng những hoạt động đào tạo nghề và phát triển kỹ năng do tỉnh triển khai nhằm hỗ trợ cho các ngành sản xuất kinh doanh tại địa phương cũng như tìm kiếm việc làm cho lao động tại địa phương. Chất lượng đầu vào của lao động có thể được phản ánh qua đánh giá của doanh nghiệp về chất lượng giáo dục phổ thông và giáo dục dạy nghề.



Nguồn: Tổng hợp từ VCCI

Chỉ số Đào tạo lao động của tỉnh năm 2011 sụt giảm nghiêm trọng, xếp gần cuối bảng xếp hạng PCI (59/63 tỉnh thành), 7/10 chỉ tiêu đánh giá đều giảm điểm so với năm 2010, trong đó có chỉ tiêu “doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm của nhà cung cấp dịch vụ tư nhân” và “doanh nghiệp có ý định sẽ sử dụng lại nhà cung cấp dịch vụ nói trên cho dịch vụ giới thiệu việc làm” giảm sâu so với năm trước đó⁽⁷⁾.

Từ năm 2012 trở đi, chỉ số này đã được cải thiện hơn, tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm dần tăng lên, doanh nghiệp hài lòng hơn với chất lượng lao động (trên 90% doanh nghiệp đồng ý lao động đáp ứng được nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp). Tuy nhiên, với chất lượng giáo dục phổ thông và dạy nghề còn hạn chế cùng với việc tuyển dụng lao động khó khăn, các doanh nghiệp được khảo sát cho biết phải bỏ thêm nhiều chi phí để tuyển dụng và đào tạo lao động⁽⁸⁾.

⁽⁷⁾ Chỉ tiêu “DN đã sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm của nhà cung cấp dịch vụ tư nhân” giảm từ 73,53% xuống còn 17,95% và “DN có ý định sẽ sử dụng lại nhà cung cấp dịch vụ nói trên cho dịch vụ giới thiệu việc làm” giảm từ 60,53% xuống còn 28,21%.

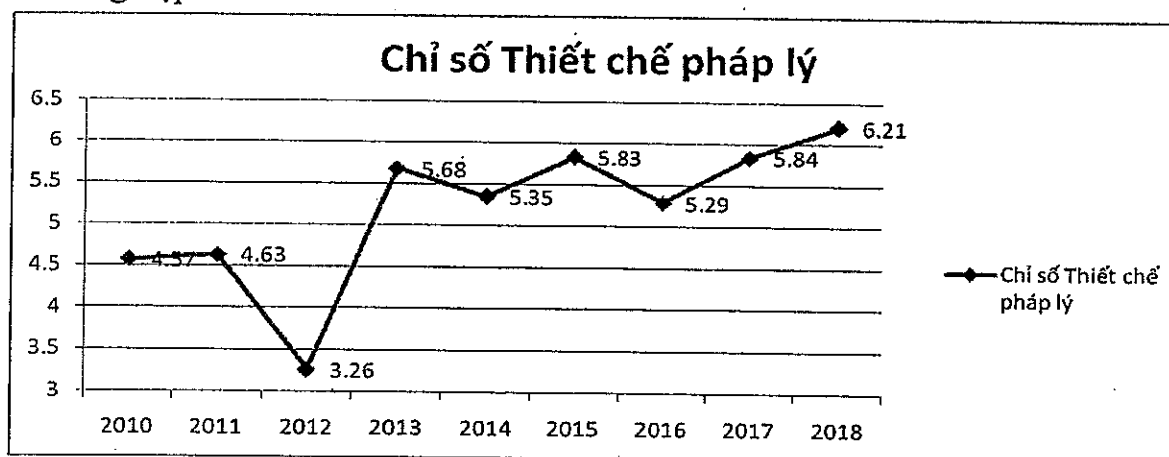
⁽⁸⁾ Cụ thể: “% chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra cho đào tạo lao động” chiếm 2,6% tổng chi phí kinh doanh vào năm 2012, tăng lên 6,6% vào năm 2017 và 4,8% vào năm 2018; “% chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra cho

Từ kết quả phân tích trên cho thấy, chỉ số thành phần Đào tạo lao động của tỉnh ít biến động và không có nhiều bứt phá, nhiều năm liền ở mức trung bình thấp của cả nước, điểm số tăng không đáng kể, năm 2016 tăng 1 bậc, năm 2017 hạ 7 bậc, năm 2018 tăng 3 bậc và vẫn đang ở nhóm thấp so với cả nước (thứ 41/63). Trong cả giai đoạn nghiên cứu, chỉ có từ 45 đến 60% doanh nghiệp cho biết giáo dục phổ thông có chất lượng tốt, với giáo dục dạy nghề chỉ có từ 25 đến 50% doanh nghiệp đánh giá có chất lượng tốt. Bên cạnh đó, doanh nghiệp tại tỉnh đang có xu hướng ít đầu tư hơn cho việc đào tạo lao động; tỷ lệ lao động đã qua đào tạo tại các doanh nghiệp khảo sát không có xu hướng tăng, phần trăm chi phí mà doanh nghiệp dành cho đào tạo và tuyển dụng có xu hướng giảm. Tỷ lệ doanh nghiệp được khảo sát cho biết từng sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm giảm, chỉ khoảng 1/2 số doanh nghiệp khảo sát có sử dụng dịch vụ này; trong khi số cho biết sẽ tiếp tục sử dụng dịch vụ này lại tăng. Như vậy có nghĩa là chất lượng dịch vụ giới thiệu việc làm cơ bản tốt, đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp, tuy nhiên số doanh nghiệp biết đến dịch vụ này còn hạn chế/hoặc không có nhu cầu sử dụng (quy mô nhỏ) dẫn đến tỷ lệ sử dụng dịch vụ chưa cao.

Để cải thiện mạnh mẽ hơn chỉ số này, cần có những giải pháp tăng cường kết nối thông tin thị trường lao động trong tỉnh, khu vực và cả nước; tần suất tổ chức Phiên giao dịch, giới thiệu việc làm tại tỉnh; các đơn vị hoạt động dịch vụ việc làm trong tỉnh tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng lao động và người lao động có nhu cầu tìm việc làm tiếp cận giao dịch; có cơ chế chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư trong lĩnh vực đào tạo nghề, dịch vụ việc làm.

10. Chỉ số Thiết chế pháp lý

Chỉ số thành phần này phản ánh lòng tin của doanh nghiệp dân doanh đối với các thiết chế pháp lý của địa phương, việc doanh nghiệp có xem các thiết chế tại địa phương này như là công cụ hiệu quả để giải quyết tranh chấp hoặc là nơi mà doanh nghiệp có thể khiếu nại những hành vi nhũng nhiễu của cán bộ công quyền tại địa phương hay không. Từ năm 2017, chỉ số thành phần này được bổ sung thêm nhóm các chỉ tiêu đánh giá về an ninh trật tự tại địa phương nhằm thúc đẩy việc duy trì an toàn cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.



tuyển dụng lao động” chiếm 3,8% tổng chi phí kinh doanh vào năm 2012, tăng lên 8% vào năm 2017 và giảm xuống còn 4% vào năm 2018.

Mức độ hài lòng của các doanh nghiệp đối với môi trường pháp lý tại tỉnh từ năm 2010 đến 2016 khá thấp, dưới mức trung bình cả nước (trừ năm 2013). Đặc biệt vào năm 2012, số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý, tỷ lệ % nguyên đơn không thuộc nhà nước trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh giảm, cùng với thời gian để giải quyết các vụ kiện tại tòa tăng gấp đôi so với năm 2011⁽⁹⁾, tỷ lệ doanh nghiệp ưu tiên sử dụng các thiết chế pháp lý khác để giải quyết tranh chấp tăng cao so với năm trước đó đã làm điểm số của chỉ số này giảm sâu.

Từ năm 2013 đến nay, mặc dù chỉ số này đã được cải thiện hơn nhưng chưa có nhiều đột phá. Đáng chú ý, doanh nghiệp cho rằng hệ thống pháp lý của tỉnh chưa phát huy vai trò trong việc tố cáo và xử lý các hành vi tham nhũng, những nhiều, chỉ có từ 20% đến 30% doanh nghiệp được khảo sát đồng ý với nhận định “Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp DN tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ”. Tòa án và hệ thống pháp lý chưa trở thành công cụ đặc lực, hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp trong giải quyết các tranh chấp; dịch vụ hỗ trợ pháp lý còn thiếu và chưa thật sự hỗ trợ đúng mức cho doanh nghiệp.

Đến năm 2017, VCCI bổ sung vào chỉ số này tiêu chí đánh giá về tình hình an ninh trật tự. Kết quả khảo sát năm 2017 và 2018 cho thấy, thiết chế pháp lý tại tỉnh có nhiều tín hiệu tích cực, đều có cải thiện và điểm số và thứ hạng qua các năm. Niềm tin vào hệ thống Tòa án được cải thiện, tỷ lệ doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp tăng, PCI 2018 cho thấy có đến 91% doanh nghiệp đồng ý nhận định Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ việc kinh tế đúng pháp luật; tỷ lệ doanh nghiệp được khảo sát cho biết bị mất trộm tài sản được cải thiện hơn (giảm xuống còn 10%). Tuy nhiên, doanh nghiệp vẫn còn quan ngại về chế tài của tỉnh trong xử lý tham nhũng, chỉ có chưa đến 1/3 số doanh nghiệp khảo sát tin rằng hệ thống pháp luật có cơ chế giúp doanh nghiệp tố cáo cán bộ những nhiều, 37% tin rằng lãnh đạo tỉnh sẽ không bao che và nghiêm túc kỷ luật cán bộ những nhiều doanh nghiệp, tỷ lệ này trên mức trung vị và không có cải thiện so với năm 2017

Nhìn chung, mặc dù chưa có nhiều đột phá đáng kể, nhưng chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý của tỉnh qua các năm tiếp tục được cải thiện về mặt điểm số và thứ hạng, giữ vị trí trung bình trong cả nước. Môi trường pháp lý tại tỉnh đang từng bước tạo được niềm tin cho doanh nghiệp, Tòa án và hệ thống pháp lý, các dịch vụ hỗ trợ pháp lý dần trở thành công cụ hỗ trợ và đồng hành cùng doanh nghiệp trong giải quyết các tranh chấp. Tuy nhiên, kết quả phân tích cũng cho thấy chế tài của tỉnh trong tố cáo và xử lý tham nhũng còn chưa thực sự nghiêm minh, chưa tạo được nhiều niềm tin đối với doanh nghiệp. Để tiếp tục cải thiện hiệu quả chỉ số này, cần tiếp tục đẩy mạnh triển khai tốt công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nâng cao kiến thức của chính bản thân doanh nghiệp trong giải quyết tranh chấp, tố cáo tham nhũng để doanh nghiệp nắm rõ quy định, phối hợp chặt chẽ cùng cơ quan chính quyền trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, nâng cao niềm tin của doanh nghiệp vào chính quyền; thực hiện kiểm soát tốt tình hình an ninh trật tự tại các địa phương, đặc biệt là tại trụ sở các cơ

⁽⁹⁾ Năm 2011 là 3 tháng, năm 2012 tăng lên tới 6 tháng.

quan, đơn vị, doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa doanh nghiệp khi xảy ra vấn đề về an ninh trật tự.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Kết quả PCI giai đoạn 2010-2018 cho thấy, mặc dù có nhiều biến động theo từng giai đoạn khác nhau, tăng giảm không ổn định, những năm gần đây có tăng về mặt điểm số, nhưng xét về mặt tổng thể thì năng lực cạnh tranh của tỉnh đang có dấu hiệu đi xuống, chưa có nhiều đột phá, chưa đáp ứng nhu cầu và mong đợi của doanh nghiệp, dẫn đến thứ hạng PCI của tỉnh giảm sâu so với các năm trước. Qua phân tích bức tranh tổng thể về PCI trong gần 10 năm qua, có thể khái quát bằng những nét chính sau:

1. Một số điểm sáng tích cực

1.1. Chi phí không chính thức có xu hướng giảm theo thời gian, niềm tin của doanh nghiệp vào bộ máy điều hành của tỉnh dân được cải thiện

Theo phân tích của VCCI, Chỉ số chi phí không chính thức của các địa phương nói chung trong những năm gần đây đang có xu hướng giảm, nguyên nhân do trong thời gian qua Đảng, Nhà nước đã có rất nhiều nỗ lực trong chống tham nhũng, thể hiện qua hàng loạt các vụ án về tham nhũng được đưa ra xét xử; các nỗ lực đó đã ảnh hưởng, tác động rất lớn đến cảm nhận của doanh nghiệp về chính quyền. Đối với tỉnh Đắk Lắk, phù hợp xu thế chung này, chỉ số thành phần Chi phí không chính thức là một trong các chỉ số được cải thiện đáng kể, cụ thể năm 2017 tăng 14 bậc, xếp thứ 44 cả nước; năm 2018 cải thiện 23 bậc, xếp thứ 21/63 và đang là chỉ tiêu thành phần được cải thiện nhiều nhất trong số 10 chỉ tiêu PCI của tỉnh năm 2018. Theo thời gian, quy mô chi phí không chính thức của tỉnh Đắk Lắk được ghi nhận giảm đáng kể, đến năm 2018 chỉ còn 2% doanh nghiệp cho biết phải chi trả trên 10% doanh thu cho các loại chi phí không chính thức (năm 2017 là 15%), đây là tỷ lệ tốt nhất trong cả nước.

1.2. Môi trường cạnh tranh đang được cải thiện tốt, được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá là bình đẳng, tạo động lực phát triển cho doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp tư nhân có quy mô nhỏ và siêu nhỏ

Kết quả PCI các năm qua cho thấy, chỉ số thành phần môi trường cạnh tranh bình đẳng đang là chỉ số ghi nhận sự cải thiện vượt bậc của tỉnh với điểm số và thứ hạng luôn nằm ở nhóm khá tốt cả nước. Điều này cho thấy tỉnh đã và đang tạo lập môi trường cạnh tranh cơ bản tốt cho sự phát triển của các doanh nghiệp, được cộng đồng doanh nghiệp ghi nhận và đánh giá cao; môi trường cạnh tranh có thể nói đang là một “thế mạnh” của tỉnh, là cơ hội để tỉnh tiếp tục bứt phá, cải thiện năng lực cạnh tranh của mình. Để tiếp tục giữ vững và phát huy lợi thế này, trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính, kêu gọi đầu tư từ các nguồn vốn phải áp dụng đúng quy định, đảm bảo hài hòa lợi ích của doanh nghiệp, tránh làm phát sinh tâm lý tỉnh đang có xu hướng “thiên vị” giữa các doanh nghiệp, đặc biệt là khu vực doanh nghiệp tư nhân nhỏ và siêu nhỏ trong nước thường có tâm lý e ngại, không tin tưởng và sự đối xử công bằng của tỉnh so với doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp có quy mô lớn.

1.5. Thời cơ pháp lý và tìm kiếm an ninh trật tự được gia tăng tiếp tục là lợi thế của tỉnh trong nâng cao năng lực cạnh tranh

Hệ thống thực thi pháp luật của tỉnh được doanh nghiệp đánh giá tốt hơn, có cải thiện tốt về điểm số và thứ hạng, đứng vị trí trung bình cả nước. Doanh nghiệp tin tưởng hơn vào chế tài của tỉnh, phán quyết của Tòa án được nhìn nhận là công bằng, đúng pháp luật hơn (có đến 86% doanh nghiệp được khảo sát cho rằng phán quyết của Tòa án là đúng, cao hơn năm trước 16%), cơ quan hỗ trợ pháp lý dần đáp ứng được yêu cầu của doanh nghiệp, các chi phí (chính thức và không chính thức) khi giải quyết tranh chấp qua tòa án có xu hướng giảm, ở mức chấp nhận được; tỷ lệ doanh nghiệp khảo sát cho biết bị trộm cắp năm 2018 đã giảm một nửa so với năm 2017.

2. Một số tồn tại hạn chế cơ bản làm giảm năng lực cạnh tranh của tỉnh

2.1. Hệ thống thủ tục hành chính còn rườm rà, phức tạp; Hoạt động tại bộ phận một cửa chưa thật sự chuyên nghiệp; ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính còn chưa được đánh giá cao làm gia tăng chi phí không chính thức và chi phí thời gian của doanh nghiệp

Chỉ số gia nhập thị trường của tỉnh đang có xu hướng giảm mạnh về điểm số và thứ hạng (năm 2017 hạ đến 41 bậc, xếp 60/63 cả nước; năm 2018 cải thiện không đáng kể, đứng thứ 58/63) và đang là nguyên nhân chính làm giảm sâu năng lực cạnh tranh của tỉnh trong những năm gần đây. Nếu chỉ số thành phần Gia nhập thị trường được cải thiện sẽ tác động rất lớn đến điểm số và thứ hạng PCI của tỉnh; đồng thời với việc cắt giảm chi phí gia nhập thị trường, các chi phí có liên quan khác như chi phí thời gian, chi phí tiếp cận đất đai cũng sẽ được cải thiện đáng kể.

So với các địa phương khác trong cả nước, tốc độ “chuyển mình” của tỉnh trong việc cải cách hành chính nói riêng và trong điều hành kinh tế nói chung nhìn chung còn chậm. Hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính vẫn chưa đáp ứng mong đợi của doanh nghiệp, tác động mang lại còn chưa rõ nét, chưa có nhiều cải thiện; chi phí gia nhập thị trường của tỉnh còn quá cao và trở thành rào cản cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thủ tục hậu đăng ký kinh doanh tiếp tục là vấn đề lớn của doanh nghiệp. Đặc biệt, theo đánh giá của doanh nghiệp thì một số công chức thực hiện nhiệm vụ liên quan đến bộ phận “một cửa” có năng lực, trình độ còn yếu, ý thức trách nhiệm chưa cao, còn có hiện tượng gây khó khăn cho doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính.

Theo khảo sát của VCCI, các giấy tờ chính hiện đang là gánh nặng của doanh nghiệp gồm: Giấy chứng nhận đủ điều kiện ngành nghề kinh doanh, các giấy tờ phù hợp quy chuẩn, giấy phép quảng cáo, giấy chứng nhận phòng cháy chữa cháy, bảo hiểm xã hội... Doanh nghiệp của tỉnh phản ánh đang gặp rất nhiều khó khăn để có thể chính thức đi vào hoạt động; ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính được đánh giá còn rất thấp, chỉ có 6% cho rằng thủ tục đăng ký doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin tốt, tỷ

lệ này rất thấp so với cả nước (trung vị 36% và mức cao nhất là 73%). Cứ 4 doanh nghiệp được khảo sát thì có 1 doanh nghiệp cho biết phải chờ hơn 1 tháng mới có đủ tất cả giấy tờ cần thiết khác (ngoài giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) để có thể chính thức đi vào hoạt động, tỷ lệ này cao hơn nhiều so với tỷ lệ trung vị cả nước. Từ đó cho thấy, quy trình xử lý thủ tục hành chính của một số cơ quan, đơn vị vẫn còn mất nhiều thời gian, đôi khi có sự hướng dẫn không nhiệt tình, chu đáo và chi tiết của các cán bộ trực tiếp giải quyết. Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong việc giải quyết các công việc có liên quan đến doanh nghiệp, nhà đầu tư đôi khi còn chậm, thiếu đồng bộ nhất là trong các lĩnh vực: công tác giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa, chủ trương đầu tư, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện đầu tư và cơ hội sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nhà đầu tư, làm kéo dài thời gian gia nhập thị trường, gia tăng chi phí thời gian cho doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, tình trạng nhiễu nhiễu trong giải quyết thủ tục hành chính vẫn còn phổ biến, làm doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần, chấp nhận chi trả chi phí không chính thức để sớm hoàn thành thủ tục, gia tăng chi phí thời gian và chi phí gia nhập thị trường của doanh nghiệp. Công tác thanh, kiểm tra đặc biệt trong lĩnh vực thuế tuy có cải thiện nhưng vẫn chưa tạo được sức cạnh tranh so với cả nước (số giờ trung vị thanh, kiểm tra thuế của tỉnh là 16 giờ, trong khi giá trị thấp nhất mà VCCI ghi nhận chỉ có 2 giờ); việc thanh tra, kiểm tra nhiều lần và nhiều trường hợp đột xuất trong năm đã gây không ít khó khăn, làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2.2. Tình hình tiếp cận đất đai tại tỉnh có xu hướng khó khăn hơn

Chỉ số tiếp cận đất đai là một trong các chỉ số rất quan trọng, tác động trực tiếp đến kết quả thu hút đầu tư của tỉnh. Tuy nhiên, trong các năm qua, tình hình tiếp cận đất đai của tỉnh được đánh giá chưa ổn định và đang trở thành một trong các “điểm nghẽn”, làm giảm năng lực cạnh tranh của tỉnh. Nếu vẫn không tiếp tục có bước cải thiện mang tính đột phá, sẽ làm giảm sâu năng lực cạnh tranh của tỉnh trong các năm tiếp theo.

Quá trình tiếp cận đất đai theo đánh giá của doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ doanh nghiệp phản ánh gặp khó khăn trong thực hiện thủ tục hành chính về đất đai tiếp tục tăng cao, năm 2018 có đến 28% cho biết gặp khó khăn trong thực thủ tục liên quan đến đất đai, tỷ lệ này tăng gấp đôi so với năm 2017. Ngoại trừ nguyên nhân do ảnh hưởng từ Thông báo số 53 của Kiểm toán Nhà nước đối với các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh làm ảnh hưởng đến cảm nhận, đánh giá của doanh nghiệp, thì không thể không xét đến nguyên nhân nội tại từ phía địa phương. Quy hoạch sử dụng đất của tỉnh được đánh giá chưa ổn định, thiếu quỹ đất sạch, trình tự giải phóng mặt bằng chậm, quy định về thu hồi và bồi thường đất còn chưa thỏa đáng, chưa đáp ứng nhu cầu và tạo được niềm tin cho doanh nghiệp.

2.3. Tính năng động, sáng tạo của bộ máy chính quyền trong giải quyết vấn đề chưa đáp ứng mong đợi của doanh nghiệp

Số với các năm trước đây, chỉ số minh bạch của tỉnh đang cơ bản được giữ lại, hầu hết các chỉ tiêu đánh giá đều “đúng yên”, giảm hoặc tăng nhưng không đáng kể. Điều này cho thấy, phương pháp chỉ đạo điều hành của tỉnh đang bị bão hòa so với tốc độ phát triển và yêu cầu doanh nghiệp. Doanh nghiệp đánh giá cao hơn khả năng điều hành của tỉnh, công tác giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp đang thực hiện cơ bản rất tốt, bằng chứng là đến năm 2018 100% doanh nghiệp khảo sát đều cho biết nhận được phản hồi của cơ quan nhà nước tỉnh sau khi phản ánh khó khăn, vướng mắc, như vậy, đây là tỷ lệ cao nhất cả nước; hiệu quả Hội nghị đối thoại doanh nghiệp được đánh giá cao hơn. Tuy nhiên, tính năng động và sáng tạo của các Sở, ban ngành và UBND cấp huyện trong triển khai chỉ đạo của tỉnh lại chưa được doanh nghiệp đánh giá cao, còn “cứng nhắc”, chưa kịp thời, chưa thực thi tốt theo ý kiến chỉ đạo của tỉnh. Đặc biệt, có đến trên 1/3 số doanh nghiệp được khảo sát cho rằng “khi chính sách, pháp luật của Trung ương có điểm chưa rõ, chính quyền tỉnh thường “đợi xin ý kiến chỉ đạo”/“không làm gì cả”.

2.4. Sự minh bạch của môi trường kinh doanh theo đánh giá của doanh nghiệp đang có xu hướng đi xuống, thông tin mà doanh nghiệp cần chưa được minh bạch hóa đầy đủ

Doanh nghiệp hài lòng hơn trong tiếp cận thông tin về quy hoạch, pháp lý, mời thầu, tuy nhiên cho biết gặp nhiều khó khăn hơn trong tiếp cận tài liệu liên quan đến ngân sách, việc tiếp cận thông tin còn theo cơ chế “xin - cho”, còn cần phải có quan hệ thì mới có được thông tin, tỷ lệ doanh nghiệp truy cập vào website của tỉnh giảm, ở mức thấp so với cả nước. Chỉ có một bộ phận rất nhỏ doanh nghiệp (khoảng 4% số khảo sát) nhận định có khả năng dự đoán được tình hình thực thi các văn bản quy định của Trung ương trong điều hành kinh tế, còn lại đa số là không nắm được hoặc biết mà không dự đoán được; nguyên nhân chủ yếu do doanh nghiệp chưa thuận lợi trong tiếp cận thông tin, từ đó bị động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, không dự đoán việc triển khai thực hiện của địa phương.

2.5. Số lượng và chất lượng các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp chưa đáp ứng mong đợi doanh nghiệp; Chưa có nhiều đột phá về các chính sách liên quan đến lao động.

Kết quả công bố PCI cho thấy thị trường cung cấp các dịch vụ kể cả dịch vụ công lẫn dịch vụ tư nhân về hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh còn thiếu và yếu (dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường, dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh, dịch vụ xúc tiến thương mại, dịch vụ kế toán, tài chính...), trong khi nhu cầu về các dịch vụ hỗ trợ ngày càng cao; dẫn đến điểm số và thứ hạng của chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh trong các năm gần đây chưa được như mong đợi.

Mặc dù vẫn đang ở nhóm xếp loại khá của cả nước nhưng Đắk Lắk đang có xu hướng mất dần lợi thế cạnh tranh trong lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp, bằng chứng là mặc dù điểm số tăng nhưng thứ hạng liên tục hạ so với các tỉnh thành khác (năm 2017, đứng thứ 20/63, hạ 5 bậc; năm 2018 xếp thứ 39/63, hạ đến 19

bậc). Chất lượng đào tạo lao động, các dịch vụ và chính sách liên quan đến lao động của tỉnh tuy có cải thiện nhưng nhìn chung không đáng kể, chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp; đồng thời, chưa bắt kịp sự chuyển mình của các tỉnh, thành khác, thể hiện qua việc chỉ số Đào tạo lao động của tỉnh ít biến động và không có nhiều bứt phá, nhiều năm liền ở mức trung bình thấp của cả nước, điểm số tăng không đáng kể, năm 2016 tăng 1 bậc, năm 2017 hạ 7 bậc, năm 2018 tăng 3 bậc và vẫn đang ở nhóm thấp so với cả nước (thứ 41/63).

3. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế nêu trên

3.1. Về nguyên nhân khách quan

- Trong thời gian qua, hệ thống văn bản pháp luật nước ta có nhiều thay đổi, từ Hiến pháp (sửa đổi năm 2013) đến các Luật thuộc các lĩnh vực đất đai, đầu tư, xây dựng, môi trường, thuế... và còn có sự chông chéo, chưa đồng bộ giữa các quy định trong khi hướng dẫn của các Bộ, ngành Trung ương đôi khi còn chưa rõ ràng, kịp thời, đầy đủ và thiếu thống nhất, phần nào gây khó khăn cho cơ quan nhà nước và doanh nghiệp trong thực hiện, tác động trực tiếp và làm kéo dài thời gian thực hiện một số thủ tục hành chính, ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình cải thiện chỉ số PCI của tỉnh.

- Kết quả PCI được phân tích dựa trên cảm nhận của doanh nghiệp, mặc dù được tiến hành trên mẫu ngẫu nhiên, tuy nhiên không thể tránh khỏi trường hợp nhận định của doanh nghiệp còn chưa thật sự phù hợp. Chẳng hạn trường hợp của tỉnh Đắk Lắk, kết quả khảo sát PCI 2016 của tỉnh cho thấy doanh nghiệp nhận định doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp lớn có nhiều thuận lợi hơn trong tiếp cận dự án, đất đai và được ưu tiên miễn thuế thu nhập doanh nghiệp nhiều hơn. Tuy nhiên, trên thực tế, ưu đãi thuế là bình đẳng với các doanh nghiệp, phụ thuộc vào địa bàn, lĩnh vực đầu tư và một số yếu tố ràng buộc khác; chính sách thu hút đầu tư của tỉnh được áp dụng chung và không phân biệt bất kỳ loại hình hay quy mô doanh nghiệp nào.

- Phần lớn các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nên thường có quy mô hoạt động nhỏ, khả năng cạnh tranh thấp, trình độ quản lý, kiến thức quản trị doanh nghiệp còn hạn chế, chủ yếu hoạt động ở phạm vi thị trường trong tỉnh, giữ phương thức kinh doanh kiểu cũ, mức độ tiếp cận, am hiểu pháp luật còn hạn chế nên cũng phần nào khó khăn trong tiếp cận các giải pháp của tỉnh về ứng dụng công nghệ thông tin vào giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỉnh Đắk Lắk có vị trí địa lý nằm xa các thành phố trung tâm của đất nước, hệ thống giao thông và cơ sở hạ tầng chưa được đầu tư đầy đủ, đây là những yếu tố không thuận lợi cho việc thu hút đầu tư và thu hút nguồn lao động có trình độ cao đến với Đắk Lắk. Điều này, phần nào ảnh hưởng đến cảm nhận của doanh nghiệp về chất lượng điều hành kinh tế và chất lượng đào tạo lao động của tỉnh.

3.2. Nguyen nhan chu quan

- Một số Sở, ngành và địa phương vẫn chưa thực sự quan tâm và chỉ đạo quyết liệt trong việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải thiện chỉ số PCI theo đúng yêu cầu đề ra, chưa coi việc cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh là nhiệm vụ trọng tâm và cấp thiết của đơn vị mình.

- Trong cải cách thủ tục hành chính: Việc rà soát, xây dựng, ban hành và công bố công khai các thủ tục hành chính của một số cơ quan theo quy định của pháp luật còn chậm; mối quan hệ phối hợp giữa các ngành, địa phương trong liên thông giải quyết thủ tục hành chính, giải quyết khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp chưa được thường xuyên và kịp thời. Hạ tầng công nghệ thông tin của tỉnh không đồng bộ, gặp khó khăn về nguồn lực để đầu tư, nâng cấp khi triển khai chính quyền điện tử, do đó hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong chỉ đạo, điều hành, đôn đốc và giải quyết công việc, cũng như theo dõi hồ sơ tại Bộ phận Một cửa còn hạn chế.

- Trong việc thực hiện minh bạch hóa thông tin: Chất lượng thông tin cung cấp trên các trang thông tin điện tử của các Sở, ban, ngành chưa phong phú, kịp thời, nhất là các tài liệu quy hoạch, kế hoạch, tài chính ngân sách,... của tỉnh và những chính sách mới của Trung ương đã ban hành vẫn chưa đăng tải đầy đủ, kịp thời trên các trang web của Sở chuyên ngành hoặc tại mục riêng Cổng thông tin điện tử của tỉnh để thuận tiện cho doanh nghiệp tiếp cận. Nhiều thông tin công khai một cách chung chung, không cụ thể nên khi doanh nghiệp, nhà đầu tư thực hiện thì bị vướng mắc kéo dài (giải phóng mặt bằng, quy hoạch đất đai). Thông tin đưa lên chủ yếu là nguyên văn, chưa biên tập, tóm lược thông tin hữu ích để doanh nghiệp dễ đọc, dễ hiểu, mới chỉ dừng lại việc đưa các thông tin các cơ quan đang có, chưa cung cấp được những thông tin doanh nghiệp cần, điều này đã tác động rất lớn đến Chỉ số Tính minh bạch của tỉnh.

- Trong công tác hỗ trợ, đồng hành cùng doanh nghiệp: Hình thức tổ chức các buổi đối thoại, gặp mặt doanh nghiệp với chính quyền chưa tạo sức thu hút, chưa thật sự trở thành diễn đàn để doanh nghiệp công khai bày tỏ quan điểm nguyện vọng của mình. Một số đơn vị trả lời kiến nghị của doanh nghiệp chỉ mang tính chất hướng dẫn, chưa thực sự đưa ra được các giải pháp, hành động cụ thể để giải quyết các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp. Từ đó dẫn đến chất lượng, hiệu quả của cuộc đối thoại chưa cao.

Hệ thống các chính sách khuyến khích phát triển dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh nhất là các dịch vụ tư vấn pháp lý, thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, dịch vụ liên quan đến khoa học công nghệ... còn chưa đầy đủ, đồng bộ và đủ hấp dẫn đối với doanh nghiệp. Việc triển khai các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp của các cơ quan có chức năng trên địa bàn tỉnh còn thiếu tính thống nhất, thiếu sự hợp tác, liên kết và hiệu quả còn thấp. Việc các doanh nghiệp tìm đến sự hỗ trợ và tư vấn pháp luật còn rất ít và giảm dần, một phần là do chi phí và một phần là do năng lực của đội ngũ tư vấn chưa tốt, chưa giúp doanh nghiệp giải quyết được các vấn đề doanh nghiệp đang cần. Bên cạnh đó

ngân sách của tỉnh còn khó khăn, nguồn lực hạn chế nên một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp còn chưa thực sự đi vào cuộc sống.

- Về ý thức trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ: Một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức còn thiếu tinh thần trách nhiệm trong giải quyết công việc, trình độ chuyên môn, tính chuyên nghiệp chưa cao, tình trạng kéo dài thời gian xử lý, cố tình gây khó khăn cho doanh nghiệp, yêu cầu doanh nghiệp nộp bổ sung hồ sơ nhiều lần và gần đến ngày trả kết quả mới thông báo bổ sung hồ sơ vẫn còn diễn ra không ít. Bên cạnh đó, việc giám sát các khâu trong giải quyết hồ sơ của doanh nghiệp còn chưa chặt chẽ, công tác giám sát, xử lý trách nhiệm còn chưa thật sự nghiêm.

- Công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng từ Trung ương đến địa phương còn chồng chéo, thực hiện nhiều lần trong 01 năm làm ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp. Nhiều cơ quan chức năng giải quyết các vấn đề của doanh nghiệp chưa thực sự vì mục tiêu hướng dẫn, đôn đốc các doanh nghiệp thực hiện các quy định của pháp luật mà chủ yếu là bắt lỗi, xử phạt nên đã làm ảnh hưởng đến môi trường đầu tư chung của tỉnh.

- Công tác quản lý đất đai tại một số địa phương trong thời gian qua còn hạn chế, dẫn đến sự xung đột lợi ích, tranh chấp giữa người dân và doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp vẫn còn tiếp diễn đã ảnh hưởng trực tiếp đến chỉ số tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất. Việc quản lý dự án sau cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư chưa được thường xuyên, chưa cương quyết xử lý thu hồi các dự án chậm triển khai để lãng phí đất trong khi nhiều doanh nghiệp khác đang có nhu cầu mặt bằng, còn một số cơ quan chính quyền địa phương, sở ngành liên quan chưa thực hiện tốt và đầy đủ trách nhiệm được giao.

- Công tác quy hoạch còn nhiều bất cập, còn tình trạng chồng chéo giữa các loại quy hoạch, một số quy hoạch chậm điều chỉnh, không phù hợp với tình hình thực tế, trong khi trên nguyên tắc quy hoạch phải được đi trước, hoàn chỉnh và đồng bộ để làm tiền đề cho việc kêu gọi, thu hút đầu tư vào tỉnh.

- Chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ tỉnh và các Hội ngành nghề khác nhìn chung còn hạn chế, doanh nghiệp chưa thấy được lợi ích khi tham gia nên số lượng hội viên rất ít; chưa phát huy tốt vai trò cầu nối giữa Chính quyền và cộng đồng doanh nghiệp.

PHẦN D. GIẢI PHÁP VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Bài học kinh nghiệm cải thiện môi trường kinh doanh của các tỉnh, thành phố

Theo Sổ tay PCI năm 2018 của VCCI, qua quan sát của nhóm nghiên cứu PCI thì một tỉnh, thành phố có thể tạo lập và duy trì bền vững môi trường kinh doanh thuận lợi, qua điểm số và thứ hạng PCI thường ở nhóm đầu khi hội tụ các yếu tố sau:

- Quiet tam cai cach của lanh đạo la động lực quan trọng cho sự thay doi, trong đó có sự đổi mới tư duy về vai trò của doanh nghiệp tư nhân đối với sự phát triển kinh tế của địa phương.

- Cải cách từ trên xuống kết hợp chặt chẽ từ dưới lên. Không chỉ là việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác chỉ đạo điều hành trong cải cách môi trường kinh doanh, cần tạo điều kiện để phát hiện và nhân rộng các sáng kiến cải cách từ cơ sở.

- Cải thiện quan hệ phối hợp giữa các sở, ngành, kịp thời tháo gỡ vướng mắc cho các doanh nghiệp. Điều quan trọng là cần xác định rõ trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong giải quyết thủ tục hành chính, đặt doanh nghiệp, nhà đầu tư vào vị trí “trung tâm”, là “khách hàng” trong quá trình cung cấp dịch vụ công, cũng chính là cách hiện thực hóa yêu cầu xây dựng “chính quyền phục vụ” mà Chính phủ đã đặt ra.

- Nâng cao trách nhiệm người đứng đầu của các sở, ngành, huyện thị trong việc tiếp nhận, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

- Tăng cường đối thoại, tiếp xúc doanh nghiệp với nhiều hình thức đa dạng thay vì cách tổ chức hội nghị gặp mặt doanh nghiệp truyền thống, hình thức.

- Xây dựng Hiệp hội doanh nghiệp mạnh, đóng vai trò cầu nối giữa chính quyền và cộng đồng doanh nghiệp.

- Minh bạch hóa thông tin, chủ động cung cấp thông tin cho nhà đầu tư, doanh nghiệp.

- Sáng tạo, linh hoạt trong giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân.

- Hợp tác tăng cường liên kết vùng, cải thiện môi trường kinh doanh.

Xuất phát từ nhu cầu thực tế tại địa phương và tham khảo từ mô hình triển khai PCI, một số địa phương từ năm 2013 đã tiến hành khảo sát, đánh giá về chất lượng điều hành của cấp sở, ngành và huyện, thị⁽¹⁰⁾. Có thể kể đến Điều tra xếp hạng chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện (DDCI) của Lào Cai (chuẩn bị năm 2013, tiến hành năm 2014-2016); Đánh giá xếp hạng các Sở, ngành của Vĩnh Phúc (năm 2014); Đánh giá xếp hạng các Sở, ngành và huyện, thị của Kiên Giang (năm 2014); Đánh giá của doanh nghiệp và nhà đầu tư đối với việc thực hiện các thủ tục hành chính tại một số Sở, ngành và huyện, thành phố tại Bắc Giang (2016-2018); Chỉ số năng lực cạnh tranh các Sở, ngành và huyện, thị của Tuyên Quang (2015-2018); Chỉ số năng lực cạnh tranh các Sở, ngành và huyện, thị của Quảng Ninh (2015-2018); đánh giá Năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương của Bắc Ninh (2016-2018); đánh giá Năng lực cạnh tranh cấp Sở, ban, ngành và địa phương tỉnh Yên Bái (2017-2018).

¹⁰ Theo Tài liệu Kinh nghiệm xây dựng Bộ chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp Sở, ngành và huyện, thị - VCCI, năm 2019

Hoạt động đánh giá DDCI có thể cung cấp được nhiều thông tin thực tiễn để hỗ trợ lãnh đạo các tỉnh, thành phố xác định rõ điểm nghẽn trong việc chỉ đạo, điều hành tại các ngành, cấp ở địa phương.

III. Một số giải pháp đề xuất nhằm cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh trong thời gian tới

1. Giải pháp về nâng cao hiệu quả cải cách hành chính, cắt giảm chi phí thời gian, chi phí gia nhập thị trường, chi phí tiếp cận đất đai cho doanh nghiệp

- Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động rà soát, đơn giản hóa quy trình giải quyết thủ tục hành chính nhằm rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ; thường xuyên rà soát, kiến nghị sửa đổi thủ tục hành chính theo hướng đơn giản hóa tối đa để tạo thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện các thủ tục hành chính tại tỉnh; Triển khai thực hiện tốt các quy định của Trung ương về cải cách thủ tục hành chính; cải thiện, nâng cao năng lực cạnh tranh đã được ban hành và đang có hiệu lực thi hành cũng như những quy định sẽ được tiếp tục ban hành trong thời gian tới.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước, nhất là trong cung cấp các thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công trực tuyến đối với những lĩnh vực có mật độ giao dịch cao với nhà đầu tư, doanh nghiệp, từ đó hạn chế tình trạng nhũng nhiễu trong giải quyết thủ tục hành chính. Tăng cường quan hệ phối hợp giữa các Sở, ngành, đơn vị để kịp thời tháo gỡ vướng mắc cho các doanh nghiệp.

- Tập trung chỉ đạo để Trung tâm phục vụ hành chính công đi vào hoạt động hiệu quả, thực chất, tránh phát sinh thủ tục phiền hà cho doanh nghiệp; tăng cường chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả cung cấp dịch vụ hành chính công trên toàn tỉnh, đặc biệt là các ngành có liên quan đến doanh nghiệp như đăng ký kinh doanh, đất đai, thuế, quản lý thị trường, PCCC, BHXH...

- Thực hiện tốt công tác rà soát quỹ đất, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, hoàn thiện tiêu chí quy trình thu hồi đất theo đúng quy định; công khai, minh bạch các kế hoạch, quy hoạch, quy trình này trên Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường và các Sở, ngành có liên quan nhằm minh bạch hóa việc tiếp cận nguồn lực đất đai tại tỉnh.

- Các Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thị xã, thành phố thường xuyên cập nhật đầy đủ, rà soát, công khai, minh bạch các thông tin về cơ chế chính sách, các định hướng, thông tin kinh tế - xã hội, đặc biệt là thông tin về quy hoạch, quy trình đầu tư, công bố công khai danh mục dự án mời gọi đầu tư với các thông tin rõ ràng, cụ thể hình thức lựa chọn nhà đầu tư đối với từng dự án; tăng cường công tác phối hợp giữa các ngành nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất để doanh nghiệp, nhà đầu tư được tiếp cận các hồ sơ quy hoạch, địa điểm đầu tư cũng như hỗ trợ tối đa nhà đầu tư trong giải phóng mặt bằng thực hiện dự án.

2. Giải pháp về nâng cao đạo đức công vụ, y thực, trách nhiệm của từng cán bộ, công chức, viên chức, cải thiện cảm nhận của doanh nghiệp về chất lượng phục vụ hành chính công của tỉnh

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, kỷ luật, kỷ cương, xử lý nghiêm cán bộ, công chức và người đứng đầu có hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, quan liêu, hách dịch trong thực thi công vụ và tiếp xúc với doanh nghiệp.

- Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ trực tiếp tiếp xúc với doanh nghiệp, cán bộ làm việc tại bộ phận một cửa, đảm bảo tiêu chuẩn về trình độ, năng lực phẩm chất, am hiểu, nắm vững chuyên môn, phương châm “thân thiện, chuyên nghiệp và phục vụ” nhằm tạo tâm lý thoải mái, thân thiện khi nhà đầu tư, doanh nghiệp đến liên hệ làm việc.

3. Giải pháp về tạo lập môi trường kinh doanh bình đẳng, an toàn, ổn định cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

- Tăng cường công tác theo dõi, nắm bắt tình hình, thu thập và phân tích các dữ liệu thu thập được để đánh giá việc chấp hành, tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp. Thực hiện đúng tinh thần của Nghị quyết số 35/NQ-CP, ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 và Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp: “*Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật (không quá một lần/năm); kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng*”. Việc thanh tra, kiểm tra nên hướng đến là nhằm hỗ trợ, hướng dẫn doanh nghiệp tuân thủ pháp luật tốt hơn là chính. Trừ trường hợp doanh nghiệp cố tình vi phạm, tái phạm nhiều lần, như vậy những trường hợp thanh kiểm tra thông thường sẽ tránh việc gây tâm lý tiêu cực cho doanh nghiệp.

- Tăng cường rà soát, đối chiếu kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các Sở, ngành, địa phương và chủ động phối hợp với cơ quan thanh tra nhà nước cấp trên, kiểm toán nhà nước để xử lý dứt điểm tình trạng doanh nghiệp phải chấp hành nhiều hơn 01 cuộc thanh tra, kiểm tra trong năm.

- Tiếp tục đổi mới hình thức, phương thức tổ chức các buổi đối thoại doanh nghiệp theo hướng “nghe doanh nghiệp nói” thay cho “nói doanh nghiệp nghe” để kịp thời xem xét, tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho doanh nghiệp. Thực hiện hiệu quả Hội nghị đối thoại doanh nghiệp, mô hình cà phê doanh nhân - doanh nghiệp; nâng cao vai trò cầu nối của Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh, Hội Doanh nhân trẻ, các Hội ngành nghề để các thông tin về chỉ đạo, điều hành của tỉnh đến gần hơn với doanh nghiệp, đồng thời tiếp nhận kịp thời các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp; triển khai mô hình đối thoại doanh nghiệp tại các cấp huyện.

- Công an, UBND cấp huyện tăng cường chỉ đạo, kiểm soát tốt tình hình an ninh trật tự tại các địa phương, đặc biệt là tại trụ sở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp; hỗ trợ tối đa doanh nghiệp khi xảy ra vấn đề về an ninh trật tự, duy trì và cải thiện tốt chỉ số thành phần Thiết chế pháp lý.

4. Giải pháp về nâng cao hiệu quả các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp và khởi sự kinh doanh, nâng cao vai trò của doanh nghiệp, các Hội ngành nghề theo hướng chính quyền chỉ đóng vai trò định hướng và hỗ trợ, doanh nghiệp mới chính là chủ thể chính trong xây dựng và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; cải thiện chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp thông qua việc đẩy mạnh kêu gọi đầu tư, xã hội hóa trong cung cấp các dịch vụ về hỗ trợ doanh nghiệp.

- Tập trung đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến thương mại; kết nối cung cầu, hỗ trợ doanh nghiệp tìm kiếm đối tác kinh doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa trong và ngoài nước; tổ chức thêm nhiều Hội chợ thương mại, các hoạt động hỗ trợ xúc tiến thương mại; nâng cao số lượng và chất lượng các dịch vụ công về hỗ trợ doanh nghiệp, đẩy mạnh hơn nữa sự tham gia của khối tư nhân vào hoạt động cung cấp các dịch vụ hỗ trợ, đáp ứng mong đợi và nhu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp.

- Triển khai tốt công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, nâng cao kiến thức của chính bản thân doanh nghiệp trong giải quyết tranh chấp, tố cáo tham nhũng để doanh nghiệp nắm rõ quy định, phối hợp chặt chẽ cùng cơ quan chính quyền trong hoạt động đầu tư, kinh doanh, nâng cao niềm tin của doanh nghiệp vào chính quyền

5. Giải pháp về vai trò tiên phong, năng động, sáng tạo của lãnh đạo các cấp trong cải thiện Chỉ số PCI của tỉnh

- Các Sở, ngành, đơn vị cần nêu cao vai trò trách nhiệm, quyết liệt hơn nữa trong công tác chỉ đạo điều hành, thường xuyên rà soát, kịp thời tham mưu UBND tỉnh có kiến nghị với các cơ quan Trung ương để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư; tập trung giải quyết dứt điểm tồn tại, vướng mắc liên quan đến các dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh.

- Tăng cường theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, việc thực hiện các quyết định, văn bản của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh đối với các Sở, ban, ngành và UBND cấp huyện; đề xuất xử lý nghiêm theo quy định về trách nhiệm người đứng đầu các Sở, ban, ngành, đơn vị nếu chậm trễ, gây ách tắc trong việc giải quyết công việc.

- Tổ chức đưa tin, thông báo, tuyên truyền, tăng cường hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin về Hội nghị đối thoại với doanh nghiệp của UBND tỉnh và các thông tin về các chính sách, hỗ trợ của tỉnh dành cho doanh nghiệp, phối hợp xây dựng hình ảnh chính quyền năng động, hiện đại.

- Nâng cao vai trò của các Hiệp hội Doanh nghiệp, Hiệp hội Du lịch, Hội Doanh nhân trẻ tỉnh và các Hội ngành nghề có liên quan trong tham gia đóng góp chính sách hỗ trợ, phát triển doanh nghiệp, xây dựng các mô hình hoạt động phù hợp như tọa đàm chính sách, hội nghị chuyên đề,... để lãnh đạo tỉnh tham gia, gặp gỡ, nắm bắt kịp thời đề xuất, kiến nghị của cộng đồng doanh nghiệp

uên địa phương, ưu đãi ưu tiên nội địa của doanh nghiệp và chính quyền liên quan nhau hơn, cải thiện cảm nhận của doanh nghiệp về phương pháp điều hành của tỉnh.

- Tăng cường công tác tập huấn, tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của người dân, cộng đồng doanh nghiệp trong việc chấp hành pháp luật, nắm bắt và áp dụng công nghệ thông tin để đồng hành cùng địa phương trong xây dựng chính quyền điện tử, năng động, sáng tạo.

- Nghiên cứu xây dựng bộ Chỉ số DDCI cấp tỉnh (Bộ chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp Sở, ban, ngành và địa phương thuộc tỉnh). Hiện nay rất nhiều tỉnh thành trong cả nước đã triển khai rất hiệu quả bộ chỉ số này (như Quảng Ninh, Đồng Tháp, Quảng Ngãi, Phú Yên, Huế, Cao Bằng...), việc triển khai DDCI sẽ góp phần tăng năng lực cạnh tranh của các Sở, ngành, đơn vị trong tỉnh, xác định chính xác đơn vị làm tốt, chưa tốt để có chấn chỉnh kịp thời, nâng cao năng lực cạnh tranh của từng Sở, ngành, đơn vị, từ đó cải thiện chỉ số PCI của tỉnh.

IV. Kiến nghị, đề xuất với Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương

- Tiếp tục rà soát các thủ tục hành chính, bãi bỏ những thủ tục không còn phù hợp, đơn giản hóa hồ sơ, quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết và giảm chi phí thực hiện các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Thường xuyên rà soát các điều kiện đầu tư kinh doanh, kịp thời điều chỉnh để đảm bảo không chông chéo giữa các ngành, lĩnh vực.

- Sớm kết nối Cổng dịch vụ công quốc gia với Cổng thông tin một cửa quốc gia, Cổng dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp bộ, cấp tỉnh và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối điện tử trong giải quyết các thủ tục hành chính từ Trung ương đến địa phương; đưa công nghệ thông tin vào công tác quản lý nhà nước, xử lý và giải quyết các thủ tục hành chính, thực hiện công khai, minh bạch, tạo điều kiện cho doanh nghiệp giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước qua môi trường mạng.

- Sớm xây dựng cơ chế liên thông kết nối thông tin về doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp đăng ký lao động, bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật; có hướng dẫn, giải pháp tích hợp hệ thống ứng dụng công nghệ của tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia về Dân cư, cơ sở dữ liệu quốc gia Đất đai, cơ sở dữ liệu quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp.

- Phối hợp với Tòa án nhân dân tối cao hoàn thiện các văn bản pháp luật có liên quan đến thực thi Bộ luật Tố tụng dân sự 2014, Luật Phá sản 2014 để đẩy nhanh việc giải quyết tranh chấp hợp đồng và giải quyết phá sản doanh nghiệp theo hướng đơn giản hóa thủ tục, quy trình và rút ngắn thời gian.

- Đối với công tác trợ giúp phát triển nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa, đề nghị Trung ương hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực đầy đủ và kịp thời, để công tác này được thực hiện đúng kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, do đặc thù là tỉnh miền núi, điều kiện kinh tế - xã hội